

SERVO-DRIVE

Thông tin đặt hàng và
triển khai bản vẽ



Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện dành cho ngăn kéo và tủ treo

Chỉ cần nhấn nhẹ là các ngăn kéo và tủ treo tường có thể tự mở ra. Áp dụng cho tủ dưới, tủ treo tường và tủ thiết bị. Với SERVO-DRIVE, SERVO-DRIVE uno và SERVO-DRIVE flex, một hệ thống duy nhất cho toàn bộ gian bếp với đủ giải pháp được thiết kế riêng phù hợp với mọi nhu cầu.



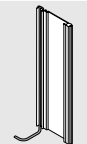


Mục lục

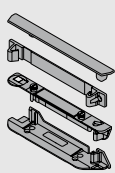
- 04 Tổng quan phụ kiện SERVO-DRIVE/SERVO-DRIVE uno
- 06 SERVO-DRIVE dùng cho ray trượt và ray hộp
- 30 SERVO-DRIVE dùng cho ray hộp
- 36 SERVO-DRIVE dùng cho ray trượt và ray hộp
- 42 SERVO-DRIVE dùng cho ray trượt
- 58 SERVO-DRIVE uno | Giải pháp cho ngăn kéo thùng rác lắp đáy
- 62 SERVO-DRIVE uno | Giải pháp cho ngăn kéo thùng rác lắp trên
- 64 SERVO-DRIVE | Các dụng cụ hỗ trợ lắp đặt
- 66 Tổng quan phụ kiện SERVO-DRIVE flex
- 68 SERVO-DRIVE flex | Tủ lạnh và tủ đông
- 74 SERVO-DRIVE flex | Tủ lạnh/tủ đông kết hợp
- 76 SERVO-DRIVE flex | Máy rửa bát
- 78 moving ideas

Nút đệm tạo khe hở Blum

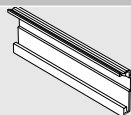

Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm.

Giá đỡ


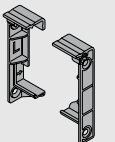
Các bộ đẩy được gắn vào thanh nhôm.

Khớp và nắp đẩy thanh nhôm.


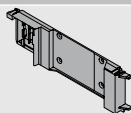
Các phụ kiện này được sử dụng để lắp thanh nhôm vào đồ tủ ngang và/hoặc dọc.

Thanh nhôm lắp ngang


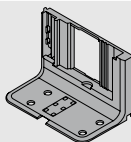
Bộ đẩy được gắn vào thanh nhôm thông qua bộ chuyển đổi.

Phụ kiện lắp thanh nhôm


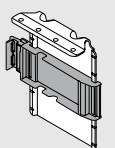
Phụ kiện này được sử dụng để lắp thanh nhôm ngang.

Bộ chuyển đổi cho bộ đẩy


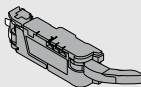
Bộ chuyển đổi được sử dụng để gắn bộ đẩy vào thanh nhôm ngang.

Bas đỡ 1 tầng


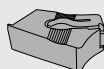
Bạn có thể sử dụng bas đỡ đơn cho các ngăn kéo đơn lẻ hoặc nếu tình huống lắp đặt không cho phép sử dụng thanh nhôm dài.

Bas đỡ gắn trên với bộ chuyển đổi được gắn sẵn cho bộ đẩy


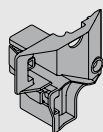
Bộ đẩy được cố định vào bộ chuyển đổi trên bas đỡ trên.

Bộ đẩy


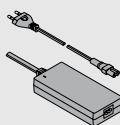
Bộ đẩy được cung cấp với tay đẩy mở rộng. Tay đẩy mở rộng phải được tháo ra trong các ứng dụng đặc biệt như ngăn kéo hẹp, để có thể lắp đặt bộ đẩy (xem thông tin triển khai bản vẽ).

Nắp bảo vệ tay đẩy cho LEGRABOX


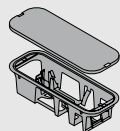
Tránh va chạm với mặt hậu bằng thép LEGRABOX từ chiều cao M với chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW 267–286 mm.

Hướng dẫn kích hoạt cho TANDEMBOX


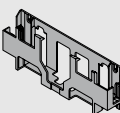
Ngăn tay đẩy va chạm với khớp nối sau ngăn kéo TANDEMBOX (LW 242-316 mm) khi dùng mặt hậu gỗ.

Bộ nguồn SERVO-DRIVE


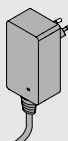
Bộ nguồn SERVO-DRIVE có thể sử dụng trên khắp thế giới. Giúp chuyển đổi nguồn điện của từng quốc gia thành điện áp một chiều 24V. Bạn phải sử dụng phích cắm phù hợp cho quốc gia tương ứng. Bộ cấp nguồn SERVO-DRIVE được sử dụng để cung cấp điện cho nhiều bộ đẩy (trong toàn bộ nhà bếp).

Vỏ bộ nguồn
Lắp dây


Vỏ bộ nguồn cho khớp nối để giúp cố định chắc chắn bộ nguồn SERVO-DRIVE trên đáy tủ.

Vỏ bộ nguồn
Lắp vào ván hậu/bas treo tường


Bộ nguồn SERVO-DRIVE có thể được gắn vào tường hoặc ván hậu tủ bằng vỏ bộ nguồn cho tường/ván hậu.

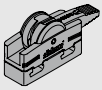
Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm


Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm cấp nguồn cho một bộ đẩy duy nhất (ứng dụng riêng lẻ).

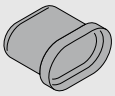
Dây điện SERVO-DRIVE

Dây điện cung cấp điện cho các bộ đẩy.
Điện áp hoạt động tối đa cho phép là 24V.

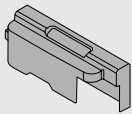
Lưu ý: Không được kết nối dây điện này trực tiếp với ổ cắm điện chính.

Kẹp nối dây điện

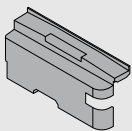
Kẹp nối dây điện này liên kết dây điện SERVO-DRIVE và thanh nhôm và/hoặc bộ nguồn SERVO-DRIVE.

Nút bảo vệ đầu dây điện

Nút bảo vệ đầu dây điện được lắp vào các đầu dây không sử dụng.

Tính năng chống thấm nước dành cho bas đơn.

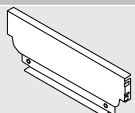
Tính năng chống thấm nước ngăn không cho nước xâm nhập vào bộ đẩy SERVO-DRIVE. Thích hợp cho các ứng dụng có bas đơn.

Tính năng chống thấm nước dành cho ứng dụng ngang

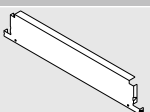
Tính năng chống thấm nước ngăn không cho nước xâm nhập vào bộ đẩy SERVO-DRIVE. Thích hợp cho các ứng dụng thanh nhôm lắp ngang.

Xác định vị trí thanh nhôm

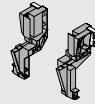
Không cần khoan trước, tự dính để định vị SERVO-DRIVE uno.

Hệ thống kéo bằng thép chiều cao M

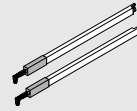
Hệ thống kéo bằng thép cho TANDEMBOX – giải pháp cho hệ thống kéo thùng rác lắp trên.

Hệ thống kéo bằng thép cho hệ thống kéo thùng rác

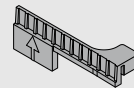
Hệ thống kéo đặc biệt cho TANDEMBOX – giải pháp cho hệ thống kéo thùng rác lắp trên.

Gắn bên trái/phải

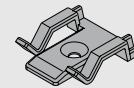
Các phụ kiện này dùng để lắp hậu ngăn kéo bằng thép cho TANDEMBOX – giải pháp cho hệ thống kéo thùng rác lắp trên.

Thanh nâng cáp dài hình chữ nhật, trái/phải

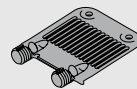
Có thể sử dụng thanh nâng cáp kết hợp với TANDEMBOX.

Bảo vệ khi vận chuyển

Làm nhiệm vụ bảo vệ bộ SERVO-DRIVE uno trong quá trình vận chuyển. Tháo ra trước khi sử dụng.

Phụ kiện**Bas nhựa giữ dây điện**

Bas nhựa giữ dây điện cho phép bạn định tuyến dây điện SERVO-DRIVE một cách an toàn và gọn gàng.

Khớp nối cố định mặt cánh/dây**Dùng cho TANDEMBOX:**

Ổn định mặt cánh rộng và cao Tăng cường kết nối giữa thanh ngăn kéo và mặt cánh.

Dùng cho LEGRABOX/MERIVOBX:

Ổn định đáy ngăn kéo rộng. Tăng cường kết nối giữa mặt đáy và mặt cánh.

Dây đồng bộ

Dây đồng bộ cho phép bạn đồng bộ hai bộ đẩy được kết nối với nhau.

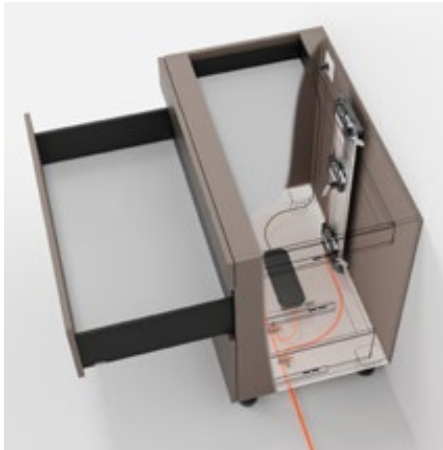
Màu sắc/chất liệu

WGR	Màu trắng xám	R7035	Màu xám nhạt RAL 7035
SZ	Màu đen	R7037	Màu xám tro RAL 7037
WS	Màu trắng	K	Nhựa
TGR	Màu xám đậm	ZN	Mạ kẽm



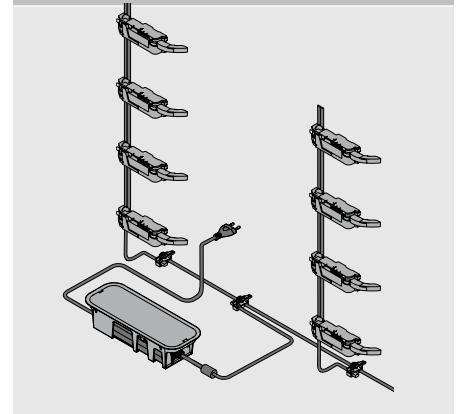
Có thể sử dụng SERVO-DRIVE kết hợp với AMPEROS AC từ chiều rộng lọt lòng thùng tủ tối thiểu là 562 mm.

Tủ tiêu chuẩn có khung đỡ ngang hoặc dọc



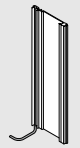
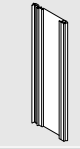
- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Với thanh nhôm dọc
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp ráp bộ đẩy không cần dụng cụ
- Nối dây điện đơn giản
- Chiều sâu lắp đặt nông

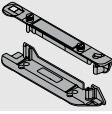
Yêu cầu về không gian



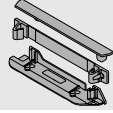
Mã đặt hàng

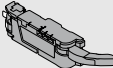
Nút đệm tạo khe hở Blum			
	Ø (mm)	Màu sắc	
	5	TGR	993.0530
	8	TGR	993.0830.01
Đối với chiều cao cánh dưới 300 mm, sử dụng 2 chiếc			
Chiều cao mặt cánh từ 300 mm trở lên, sử dụng 4 chiếc			
Đối với ray trượt LEGRABOX/MERIVOBX 70 kg, sử dụng 4 chiếc			
Đối với ray trượt TANDEMBOX 65 kg, sử dụng 4 chiếc			

Thanh nhôm			
	Giá đỡ có dây điện SERVO-DRIVE		
	Chiều dài (mm)		
	650	Z10T650AA	750 Z10T750AA
	700	Z10T700AA	800 Z10T800AA
	710	Z10T710AA	
	Thanh nhôm không có dây điện		
	SERVO-DRIVE		
	Chiều dài (mm)		
	1170		Z10T1170A
Thanh nhôm cắt theo kích thước			
Cắt:	Chiều cao lọt lòng thùng tủ LH - 10 mm		

Khớp gắn thanh nhôm trên/dưới			
	Khung đỡ ngang		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D01E0.01

Thay cho 3

Phụ kiện lắp thanh nhôm dưới/sau			
	Khung đỡ dọc		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D01EA.01

Bộ đẩy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04
Bao gồm tay đẩy mở rộng			

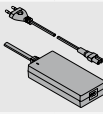
Nắp bảo vệ tay đẩy cho LEGRABOX			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10A3006
Hậu ngăn kéo bằng thép			
Yêu cầu từ chiều cao M và chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW từ 267–286 mm			

Hướng dẫn kích hoạt cho TANDEMBOX			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z10A3H00
Hậu ngăn kéo bằng gỗ			
Yêu cầu LW từ 242–316 mm			

Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE
Bao gồm:			
1x dây điện SERVO-DRIVE			
5x Nút bảo vệ đầu dây điện			
Cắt theo kích thước			
Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ			

Tủ tiêu chuẩn có khung đỡ ngang hoặc dọc

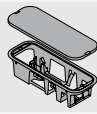
	Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x Kẹp nối dây điện			
2x Nút bảo vệ đầu dây điện			

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

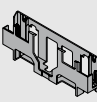
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã		
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*
E	Châu Âu	A DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E CS, HU, PL, SK
N	CN	F BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
R	KR	G EN, ES, FR
S	BR	H EN, ZH, KO
T	TW	I EN
U	US CA JP	J JA
Z	ZA	K EN, ES, PT

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Phụ kiện

Bas nhựa giữ dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

Khớp nối cố định mặt cánh/dây			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z96.10E1

Dây đồng bộ		
	Chiều dài (mm)	
	80	Z10K008S
	500	Z10K050S
	1200	Z10K120S
	1600	Z10K160S
Kết nối hai bộ dây cần mở đồng thời		

Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ ngang

Lập kế hoạch

Khoảng cách khoan – Đáy tủ Khung đỡ ngang			
	Hậu ngăn kéo – hệ thống ray hộp		X (mm)
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ		NL + 19
	Hậu ngăn kéo bằng thép		NL + 2
	NL Chiều dài ray		
	X Vị trí khoan		
	Y Yêu cầu về không gian tối thiểu		
	Z Kích thước lắp đặt		
	Hậu ngăn kéo – hệ thống ray trượt		X (mm)
≥ 79		NL + 16	Y (mm)
			NL + 30

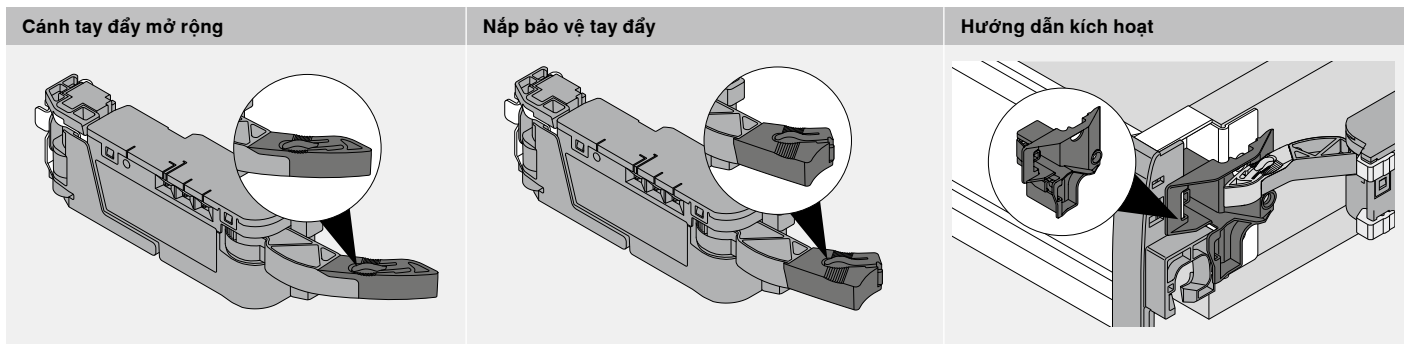
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)									
			242–266			267–286				287–316		
			Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Nắp bảo vệ cánh tay đòn	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
	bằng gỗ	M K C F	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
	bằng thép	M K C F	–	–	–	184	✕	–	●	184	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
	bằng gỗ	M K E F	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
	bằng thép	M K E F	–	–	–	174	●	–	–	174	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo	N	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
	bằng gỗ	M K B C D	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	–	–	–	–	190	✕	–
	bằng thép	M K B C D	–	–	–	179	✕	–	–	179	●	–

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
			317–386			≥ 387		
			Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo	N	184	●	–	LW / 2	●	–
	bằng gỗ	M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng thép	M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo	N	174	●	–	LW / 2	●	–
	bằng gỗ	M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	–	–	–
	bằng thép	M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo	N	179	●	○	LW / 2	●	○
	bằng gỗ	M K B C D	179	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo	N	190	●	–	LW / 2	●	–
	bằng thép	M K B C D	179	●	–	LW / 2	●	–

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ	○ Không cần
Z Kích thước lắp đặt	– Không thể
● Bắt buộc	✗ Loại bỏ

Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ ngang

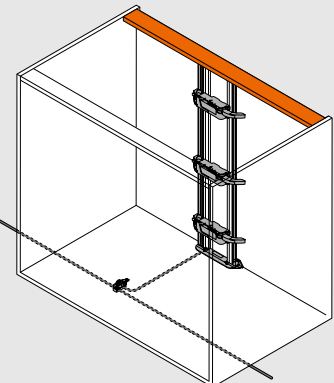
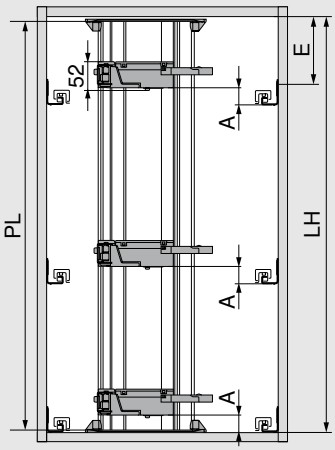
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	–	–	164	●	164	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	164	–	164	●	LW / 2	●	LW / 2	●
LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ									
Z Kích thước lắp đặt									
● Bắt buộc									
– Không thể									



Đáy tủ – Vị trí khoan		Lắp ráp mặt cánh – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum	
Đi dây điện xuống	Đi dây điện ra sau		
BT Chiều sâu lỗ khoan	BT Chiều sâu lỗ khoan		
Kiểu khoan thay thế – MINIPRESS top MINIPRESS			

Lắp ráp mặt cánh – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum	
Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm	
Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)
Lên đến 300	2
Từ 301	4
FA Trùm ngoài	
FH Chiều cao mặt ngăn kéo	

Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ ngang

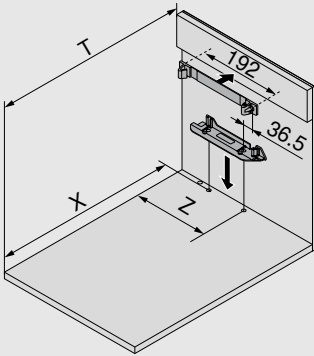
Tủ	Vị trí bộ đẩy
	 <p>PL = LH - 10 mm</p> <p>Làm tròn xuống số thập phân gần nhất</p> <p>LH Chiều cao lọt lòng thùng tủ</p> <p>PL Chiều dài thanh nhôm lắp bộ đẩy</p> <p>A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy</p> <p>E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt</p>

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray hộp										
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
			242–266		267–286		287–316		≥ 317	
			A	E tối thiểu	A	E tối thiểu	A	E tối thiểu	A	E tối thiểu
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	45	61	45	61	45	61
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	28	32	28	32	28	32
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	35	56	35	56	35	56	28	49
		M K B C D	35	64	35	64	35	64	35	64
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	28	49	28	49
		M K B C D	–	–	35	64	35	64	35	64
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy										
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt										
– Không thể										

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray trượt							
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
		224–234		235–428		≥ 429	
		A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)
MOVENTO	≥ 79	–	–	60	74	35	49
TANDEM	≥ 79	55	71	55	71	35	51
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy							
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt							
– Không thể							

Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ dọc

Khoảng cách khoan – Đáy tủ | Khung đỡ ngang



Hệ thống ray hộp	X (mm)	T (mm)
Hệ thống ray hộp bằng gỗ	NL + 19	NL + 34
Hệ thống ray hộp bằng thép	NL + 2	NL + 17
NL Chiều dài ray		
T Khoảng cách từ mép thùng tủ - khung đỡ		
X Vị trí khoan		
Z Kích thước lắp đặt		
Hệ thống ray trượt	X (mm)	Y (mm)
≥ 79	NL + 16	NL + 31

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)									
			242–266			267–286				287–316		
			Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Nắp bảo vệ tay đẩy	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
		M K C F	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	–	184	✕	–	●	184	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
		M K E F	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	–	174	●	–	–	174	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
		M K B C D	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	190	✕	–
		M K B C D	–	–	–	179	✕	–	–	179	●	–

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
			317–386			≥ 387		
			Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	184	●	–	LW / 2	●	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	174	●	–	LW / 2	●	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	●	○	LW / 2	●	○
		M K B C D	179	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	190	●	–	LW / 2	●	–
		M K B C D	179	●	–	LW / 2	●	–

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

○ Không cần

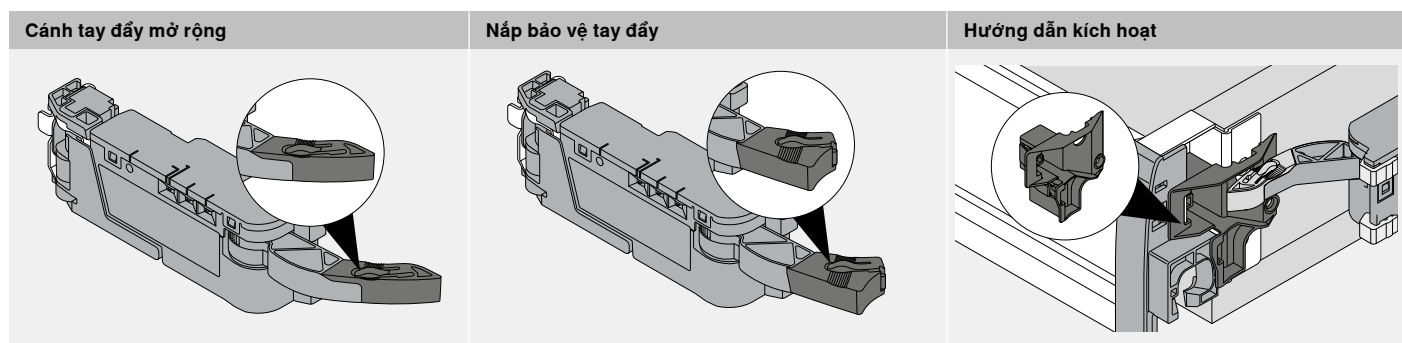
Z Kích thước lắp đặt

– Không thể

● Bắt buộc

✕ Loại bỏ

Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ dọc



Tủ	Vị trí bộ đẩy
	<div data-bbox="1034 707 1495 1245"> <p>$PL = LH - 10 \text{ mm}$</p> <p>Làm tròn xuống số thập phân gần nhất</p> <p>LH Chiều cao lọt lòng thùng tủ</p> <p>PL Chiều dài thanh nhôm lắp bộ đẩy</p> <p>A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy</p> <p>E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt</p> </div>

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray hộp										
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
			242–266		267–286		287–316		≥ 317	
			A	E min.	A	E min.	A	E min.	A	E min.
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	45	61	45	61	45	61
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	28	32	28	32	28	32
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	35	56	35	56	35	56	28	49
		M K B C D	35	64	35	64	35	64	35	64
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	28	49	28	49
		M K B C D	–	–	35	64	35	64	35	64
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy										
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt										
– Không thể										

Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ dọc

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray trượt

Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
		224–234		235–428		≥ 429	
		A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)
MOVENTO	≥ 79	–	–	60	84	35	54
TANDEM	≥ 79	55	81	55	81	35	61

A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy

E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt

– Không thể

Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	–	–	164	●	164	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	164	–	164	●	LW / 2	●	LW / 2	●

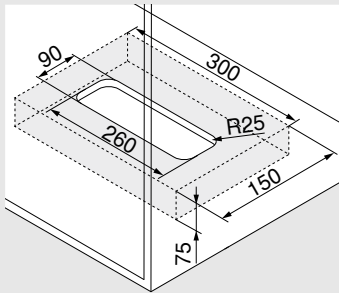
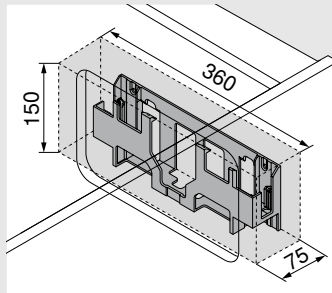
LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

Z Kích thước lắp đặt

● Bắt buộc

– Không thể

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn - vỏ bộ nguồn.



Vui lòng lưu ý

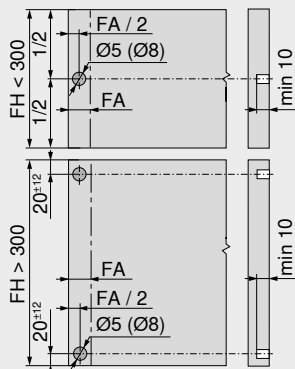
Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt.

Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.

Lắp đáy

Lắp vào ván hậu/bas treo tường

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum



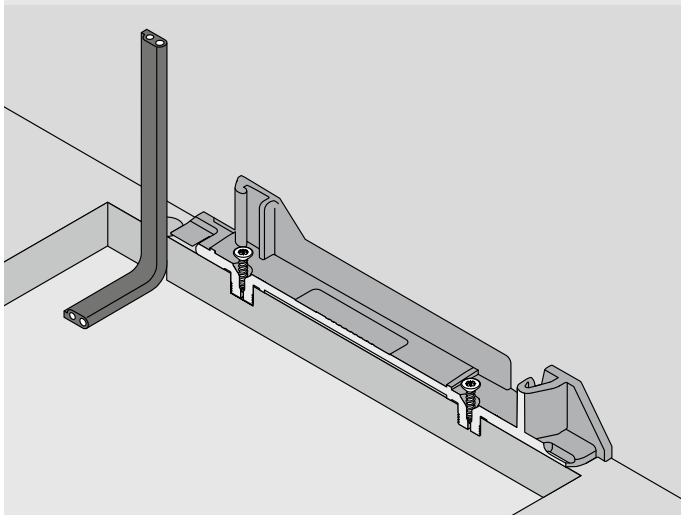
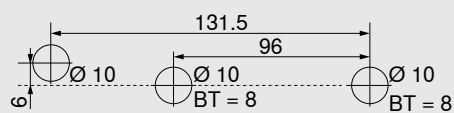
Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)
Lên đến 300	2
Từ 301	4
FA Trùm ngoài	
FH Chiều cao mặt ngăn kéo	

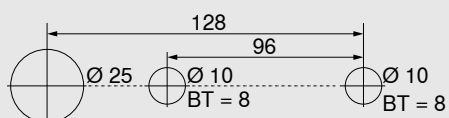
Tủ tiêu chuẩn – khung đỡ dọc/ngang

Đáy tủ – Vị trí khoan

Đi dây điện xuống

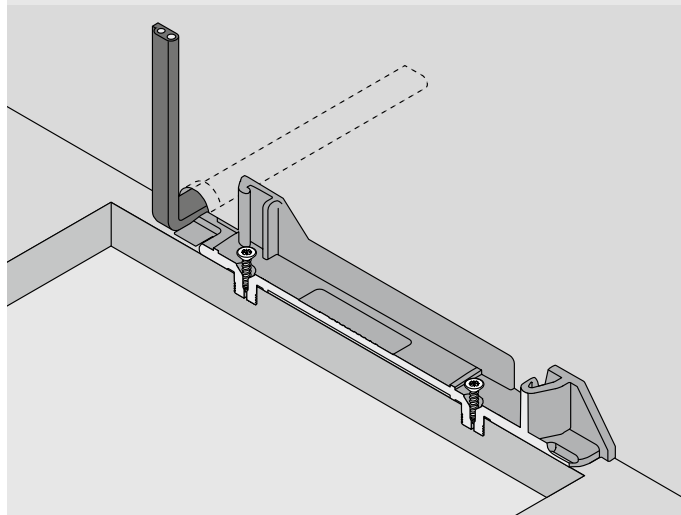
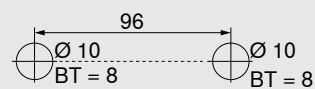


Kiểu khoan thay thế cho MINIPRESS top và MINIPRESS



BT Chiều sâu lỗ khoan

Đi dây điện ra sau



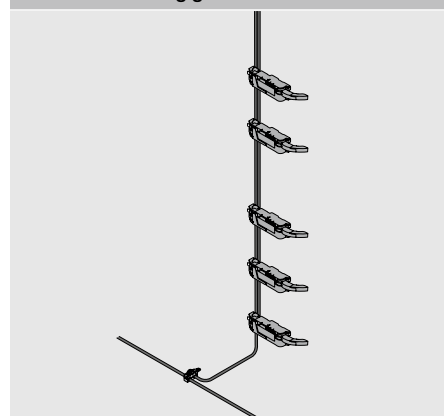
Lưu ý

Tủ kho SPACE TOWER



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Với thanh nhôm dọc
- Không có kết nối cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp ráp bộ đẩy không cần dụng cụ
- Nối dây điện đơn giản
- Chiều sâu lắp đặt nông
- Với các ngăn kéo âm, SERVO-DRIVE cho MERIVOBX được kích hoạt bằng cách kéo ngăn kéo

Yêu cầu về không gian



Mã đặt hàng

Thanh nhôm	
	Giá đỡ có dây điện SERVO-DRIVE
	Chiều dài (mm)
	650 Z10T650AA 750 Z10T750AA
	700 Z10T700AA 800 Z10T800AA
	710 Z10T710AA
	Thanh nhôm không có dây điện
	SERVO-DRIVE
	Chiều dài (mm)
	1170 Z10T1170A
Thanh nhôm cắt theo kích thước	
Cắt:	Chiều cao lọt lòng thùng tủ LH - 10 mm

Khớp gắn thanh nhôm trên/dưới	
	Khung đỡ ngang
	Màu sắc
	TGR K Z10D01E0.01

Thay cho 2

Phụ kiện lắp thanh nhôm dưới/sau	
	Khung đỡ dọc
	Màu sắc
	TGR K Z10D01EA.01

Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện	
	Màu sắc
	SZ K Z10V100E.01
Bao gồm:	
1x Kẹp nối dây điện	
2x Nút bảo vệ đầu dây điện	

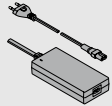
Bộ đẩy	
	Màu sắc
	TGR K Z10A3000.04
Bao gồm tay đẩy mở rộng	

Nắp bảo vệ tay đẩy cho LEGRABOX	
	Màu sắc
	SZ K Z10A3006
Hậu ngăn kéo bằng thép	
Yêu cầu từ chiều cao M và chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW từ 267–286 mm	

Hướng dẫn kích hoạt cho TANDEMBOX	
	Màu sắc
	R7037 K Z10A3H00
Hậu ngăn kéo bằng gỗ	
Yêu cầu LW từ 242–316 mm	

Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện	
	Màu sắc
	SZ 8 Z10K800AE
Bao gồm:	
1x dây điện SERVO-DRIVE	
5x Nút bảo vệ đầu dây điện	
Cắt theo kích thước	
Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ	

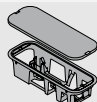
Tủ kho SPACE TOWER

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

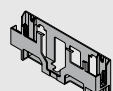
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã		
Thị trường	Các gói ngôn ngữ*	
E Châu Âu	A DE, EN, FR, IT, NL	
B GB	B DA, EN, FI, NO, SV	
H IN	C EL, EN, HR, SR, SL, TR	
I IL	D EN, ES, FR, IT, PT	
K AU	E CS, HU, PL, SK	
N CN	F BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB	
R KR	G EN, ES, FR	
S BR	H EN, ZH, KO	
T TW	I EN	
U US CA JP	J JA	
Z ZA	K EN, ES, PT	

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Phụ kiện

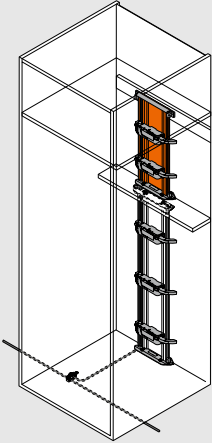
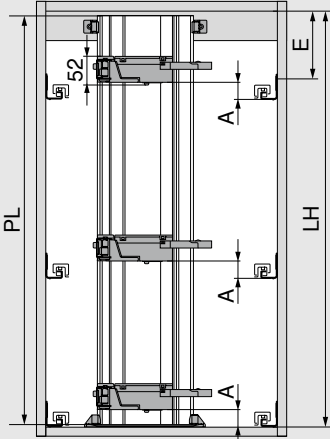
Bas nhựa giữ dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

Khớp nối cố định mặt cánh/dây			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z96.10E1

Dây đồng bộ		
	Chiều dài (mm)	
	80	Z10K008S
	500	Z10K050S
	1200	Z10K120S
	1600	Z10K160S
Kết nối hai bộ đẩy cần mở đồng thời		

Thanh nhôm cho bộ đẩy phía trên

Lập kế hoạch

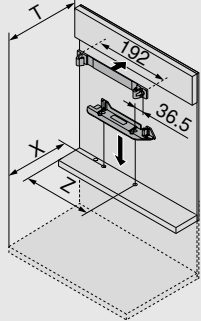
Tủ	Vị trí bộ đẩy
	
	<p>PL = LH - 10 mm</p> <p>Làm tròn xuống số thập phân gần nhất</p> <p>LH Chiều cao lọt lòng thùng tủ</p> <p>PL Chiều dài thanh nhôm lắp bộ đẩy</p> <p>A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy</p> <p>E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt</p>

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray hộp										
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
			242–266		267–286		287–316		≥ 317	
			A	E min.	A	E min.	A	E min.	A	E min.
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	45	61	45	61	45	61
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	28	32	28	32	28	32
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	35	56	35	56	35	56	28	49
		M K B C D	35	64	35	64	35	64	35	64
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	28	49	28	49
		M K B C D	–	–	35	64	35	64	35	64
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy										
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt										
– Không thể										

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray trượt							
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
		224–234		235–428		≥ 429	
		A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)
MOVENTO	≥ 79	–	–	60	74	35	49
TANDEM	≥ 79	55	71	55	71	35	51
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy							
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt							
– Không thể							

Thanh nhôm cho bộ đẩy phía trên

Khoảng cách khoan – Đáy tủ | Khung đỡ ngang



Hậu ngăn kéo – hệ thống ray hộp

X (mm)

T (mm)

Hậu ngăn kéo bằng gỗ

NL + 19

NL + 34

Hậu ngăn kéo bằng thép

NL + 2

NL + 17

NL Chiều dài ray

T Khoảng cách từ mép thùng tủ - khung đỡ

X Vị trí khoan

Z Kích thước lắp đặt

Hậu ngăn kéo – hệ thống ray trượt

X (mm)

Y (mm)

≥ 79

NL + 16

NL + 31

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)									
			242–266			267–286				287–316		
			Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Nắp bảo vệ cánh tay đòn	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
		M K C F	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	–	184	✕	–	●	184	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
		M K E F	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	–	174	●	–	–	174	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
		M K B C D	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	190	✕	–
		M K B C D	–	–	–	179	✕	–	–	179	●	–

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
			317–386			≥ 387		
			Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	184	●	–	LW / 2	●	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	174	●	–	LW / 2	●	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	●	○	LW / 2	●	○
		M K B C D	179	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	190	●	–	LW / 2	●	–
		M K B C D	179	●	–	LW / 2	●	–

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

○ Không cần

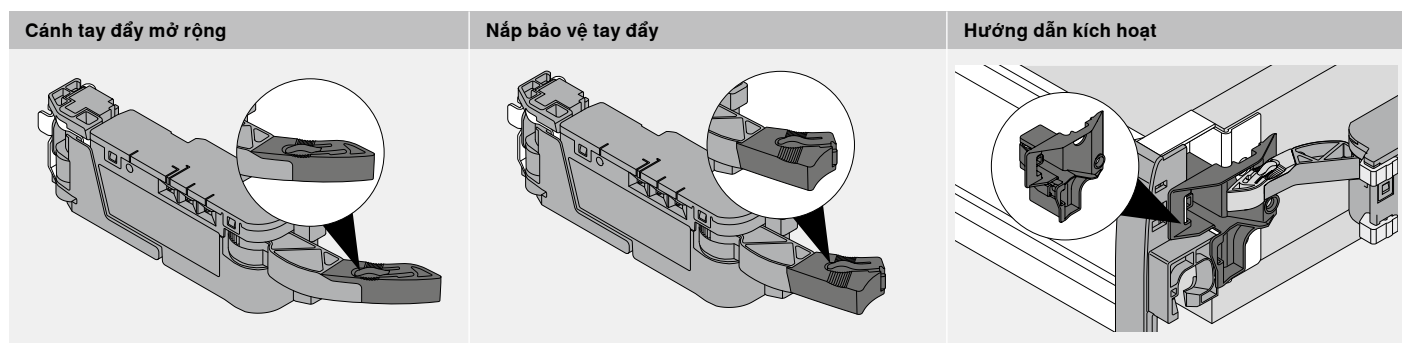
Z Kích thước lắp đặt

– Không thể

● Bắt buộc

✗ Loại bỏ

Thanh nhôm cho bộ đẩy phía trên



Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	–	–	164	●	164	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	164	–	164	●	LW / 2	●	LW / 2	●

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ
Z Kích thước lắp đặt
● Bắt buộc
– Không thể

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn - vỏ bộ nguồn.		
		Vui lòng lưu ý Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt. Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.
Lắp đáy	Lắp vào ván hậu/bas treo tường	

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum		
	Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm	
	Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)
	Lên đến 300	2
	Từ 301	4
	FA Trùm ngoài	
	FH Chiều cao mặt ngăn kéo	

Thanh nhôm lắp bộ đẩy bên dưới

Tủ	Vị trí bộ đẩy
	<p>PL = LH - 10 mm</p> <p>Làm tròn xuống số thập phân gần nhất</p> <p>LH Chiều cao lọt lòng thùng tủ</p> <p>PL Chiều dài thanh nhôm lắp bộ đẩy</p> <p>A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy</p> <p>E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt</p>

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray hộp										
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
			242–266		267–286		287–316		≥ 317	
			A	E min.	A	E min.	A	E min.	A	E min.
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	45	61	45	61	45	61
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	45	69	45	69	45	69
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	28	32	28	32	28	32
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	45	54	45	54	45	54
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	35	56	35	56	35	56	28	49
		M K B C D	35	64	35	64	35	64	35	64
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	28	49	28	49
		M K B C D	–	–	35	64	35	64	35	64
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy										
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt										
– Không thể										

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray trượt							
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
		224–234		235–428		≥ 429	
		A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)
MOVENTO	≥ 79	–	–	60	74	35	49
TANDEM	≥ 79	55	71	55	71	35	51
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy							
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt							
– Không thể							

Thanh nhôm lắp bộ đẩy bên dưới

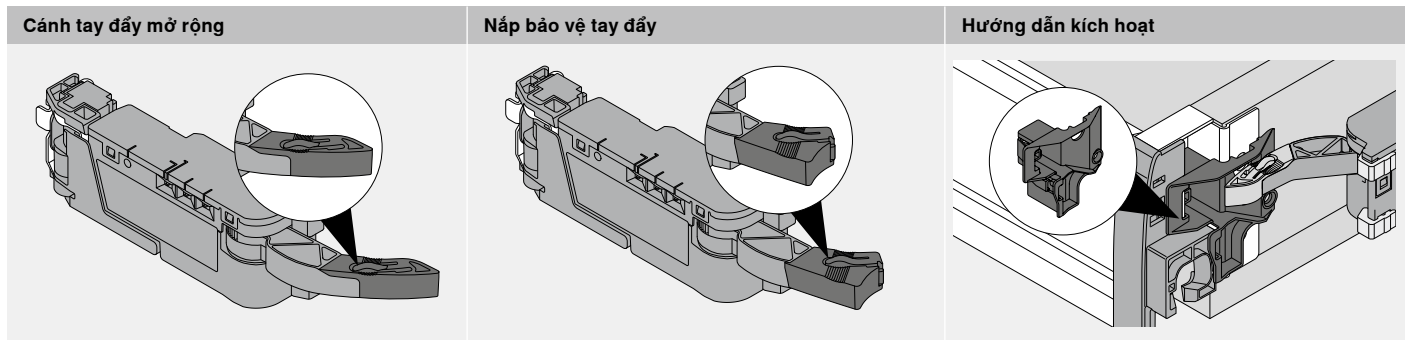
Khoảng cách khoan – Đáy tủ Khung đỡ ngang			
	Hậu ngăn kéo – hệ thống ray hộp		
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	X (mm)	Y (mm)
	Hậu ngăn kéo bằng thép	NL + 19	NL + 33
	NL Chiều dài ray	NL + 2	NL + 16
	X Vị trí khoan		
	Y Yêu cầu về không gian tối thiểu		
	Z Kích thước lắp đặt		
Hậu ngăn kéo – hệ thống ray trượt		X (mm)	Y (mm)
≥ 79		NL + 16	NL + 30

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)									
			242–266			267–286				287–316		
			Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Nắp bảo vệ cánh tay đòn	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
		M K C F	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	–	184	✕	–	●	184	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
		M K E F	–	–	–	174	✕	–	–	174	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	–	174	●	–	–	174	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
		M K B C D	179	✕	●	179	●	●	–	179	●	●
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	190	✕	–
		M K B C D	–	–	–	179	✕	–	–	179	●	–

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
			317–386			≥ 387		
			Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	184	●	–	LW / 2	●	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	174	●	–	LW / 2	●	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	●	○	LW / 2	●	○
		M K B C D	179	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	190	●	–	LW / 2	●	–
		M K B C D	179	●	–	LW / 2	●	–

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ	○ Không cần
Z Kích thước lắp đặt	– Không thể
● Bắt buộc	✗ Loại bỏ

Thanh nhôm lắp bộ đẩy bên dưới



Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	–	–	164	●	164	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	164	–	164	●	LW / 2	●	LW / 2	●

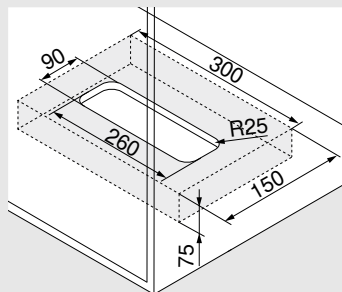
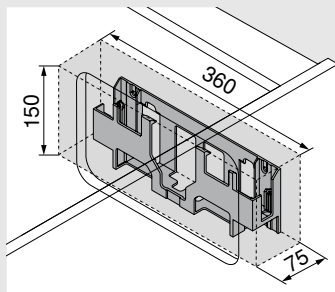
LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

Z Kích thước lắp đặt

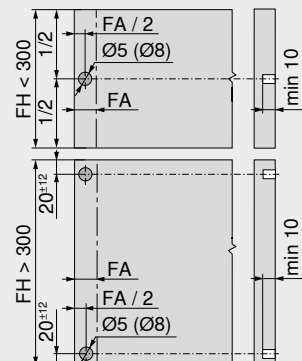
● Bắt buộc

– Không thể

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn – vỏ bộ nguồn.

		<p>Vui lòng lưu ý</p> <p>Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt.</p> <p>Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.</p>
Lắp đáy	Lắp vào ván hậu/bas treo tường	

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum

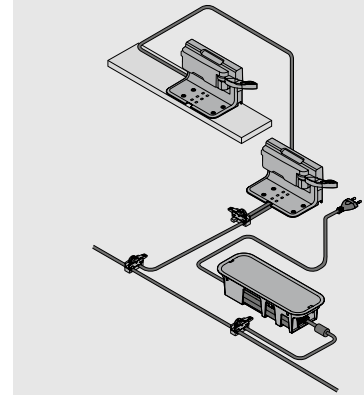
	<p>Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm</p> <table> <tr> <th>Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)</th><th>Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)</th></tr> <tr> <td>Lên đến 300</td><td>2</td></tr> <tr> <td>Từ 301</td><td>4</td></tr> </table> <p>FA Trùm ngoài</p> <p>FH Chiều cao mặt ngăn kéo</p>	Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)	Lên đến 300	2	Từ 301	4
Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)						
Lên đến 300	2						
Từ 301	4						

Ngăn kéo dưới chậu rửa



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Có bas lắp đặt
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng với các thành phần lắp ráp sẵn

Yêu cầu về không gian



Mã đặt hàng

Nút đệm tạo khe hở Blum			
	Ø (mm)	Màu sắc	
	5	TGR	993.0530
	8	TGR	993.0830.01

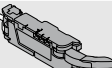
Đối với chiều cao cánh dưới 300 mm, sử dụng 2 chiếc

Chiều cao mặt cánh từ 300 mm trở lên, sử dụng 4 chiếc

Đối với ray trượt LEGRABOX/MERIVOBX 70 kg, sử dụng 4 chiếc

Đối với ray trượt TANDEMBOX 65 kg, sử dụng 4 chiếc

Bas đỡ 1 tầng			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D0311

Bộ đẩy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04
Bao gồm tay đẩy mở rộng			

Tính năng chống thấm nước cho bas đơn			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D0316

Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE

Bao gồm:

1x dây điện SERVO-DRIVE

5x Nút bảo vệ đầu dây điện

Cắt theo kích thước

Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ

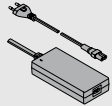
Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01

Bao gồm:

1x kẹp nối dây điện

2x nút bảo vệ đầu dây điện

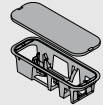
Ngăn kéo dưới chậu rửa

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

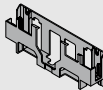
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã		
Thị trường	Các gói ngôn ngữ*	
E Châu Âu	A DE, EN, FR, IT, NL	
B GB	B DA, EN, FI, NO, SV	
H IN	C EL, EN, HR, SR, SL, TR	
I IL	D EN, ES, FR, IT, PT	
K AU	E CS, HU, PL, SK	
N CN	F BG, ET, LV, LT, RO, RU, UK	
R KR	G EN, ES, FR	
S BR	H EN, ZH, KO	
T TW	I EN	
U US CA JP	J JA	
Z ZA	K EN, ES, PT	

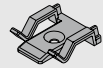
* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

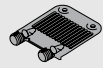
Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

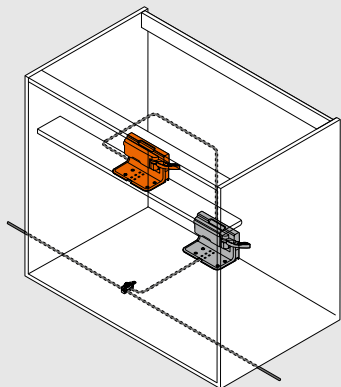
Phụ kiện

Bas nhựa giữ dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

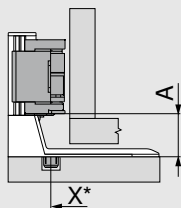
Khớp nối cố định mặt cánh/dây			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z96.10E1

Khung đỡ – bas đơn

Tủ



Khung đỡ – bas đơn



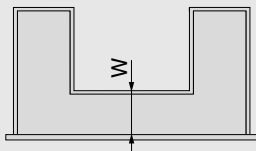
X Vị trí khoan

A Khoảng cách giữa mép dưới bas lắp bộ đẩy và mép dưới cùng của bộ đẩy

* Được đo từ mép trước của tủ

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	A (mm)
LEGRABOX	Phần ở giữa	N M K C F	45
MERIVOBX	Phần ở giữa	N	28
		M K E F	45
TANDEMBOX	Phần ở giữa	N	28
		M K B C D	35
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)		A (mm)
	≥ 79		35
	≥ 79		35

Khuyến nghị



W Khoảng cách giữa cạnh trong của mặt trước ngăn kéo và cạnh mặt sau của ván hậu

W = NL thành ngăn kéo ngoài - NL thành ngăn kéo trong

LEGRABOX: tối thiểu 150 mm

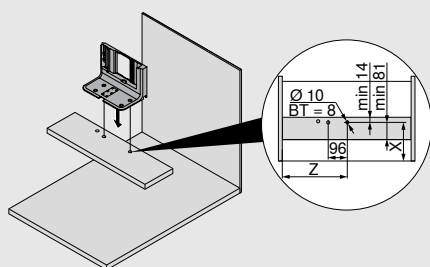
MERIVOBX: tối thiểu 150 mm

TANDEMBOX: tối thiểu 100 mm

Hệ thống ray trượt: tối thiểu 100 mm

NL Chiều dài ray

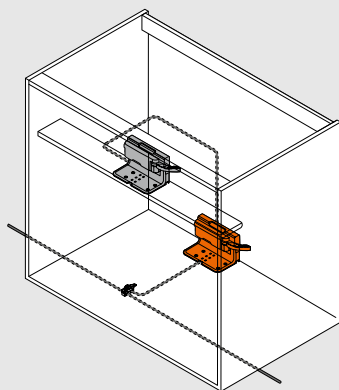
Khung đỡ – bas đơn



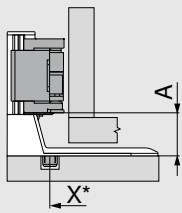
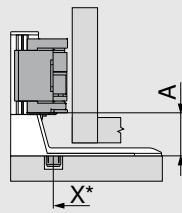
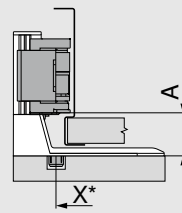
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)			
			≥ 387			
			Chiều dài ray NL bên ngoài (mm)			
			450–650*			
			X (mm)	Z (mm)	X (mm)	Z (mm)
LEGRABOX	Phần ở giữa	N M K C F	W + 27		LW / 2	
MERIVOBX	Phần ở giữa	N M K E F	W + 27		LW / 2	
TANDEMBOX	Phần ở giữa	N M K B C D	W + 27		LW / 2	
* 600 cho MERIVOBX						
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)				
		≥ 429				
		X (mm)		Z (mm)		
MOVENTO	≥ 79	W + 24		LW / 2		
TANDEM	≥ 79	W + 24		LW / 2		
BT Chiều sâu lỗ khoan						
X Vị trí khoan						
Z Kích thước lắp đặt						

Lắp đáy – bas đơn

Tủ



Đáy tủ – bas đơn – hệ thống ray hộp

Hậu ngăn kéo bằng gỗ		Hậu ngăn kéo bằng thép
LEGRABOX	MERIVOBX/TANDEMBOX	LEGRABOX/ MERIVOBX/TANDEMBOX
		

X Vị trí khoan

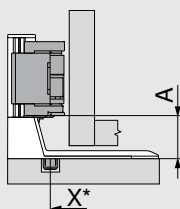
A Khoảng cách giữa mép dưới bas lắp bộ đẩy và mép dưới cùng của bộ đẩy

* Được đo từ mép trước của tủ

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	LW (mm)
			≥ 387 A (mm)
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N M K C F	45
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N M K C F	– 45
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N M K E F	28 45
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N M K E F	– 45
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N M K B C D	28 35
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N M K B C D	28 35

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

Lắp đáy – bas đơn – hệ thống ray trượt



X Vị trí khoan

A Khoảng cách giữa mép dưới bas lắp bộ đẩy và mép dưới cùng của bộ đẩy

* Được đo từ mép trước của tủ

Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)
		≥ 429 A (mm)
MOVENTO	≥ 79	35
TANDEM	≥ 79	35

Lắp đáy – bas đơn

Lắp đáy – bas đơn

Hậu ngăn kéo		X (mm)	Y (mm)	Z (mm)
Hậu ngăn kéo bằng gỗ	LEGRABOX MERIVOBX TANDEMBOX	NL + 19	NL + 35	LW / 2
	MERIVOBX – ray trượt mở vượt toàn phần	NL - 31	NL + 3	LW / 2
Hậu ngăn kéo bằng thép	LEGRABOX MERIVOBX TANDEMBOX	NL + 2	NL + 18	LW / 2
	MERIVOBX – ray trượt mở vượt toàn phần	NL - 48	NL + 3	LW / 2
Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)		X (mm)	Y (mm)	Z (mm)
≥ 79		NL + 16	NL + 30	LW / 2
LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ				
NL Chiều dài ray				
X Vị trí khoan				
Y Yêu cầu về không gian tối thiểu				
Z Kích thước lắp đặt				

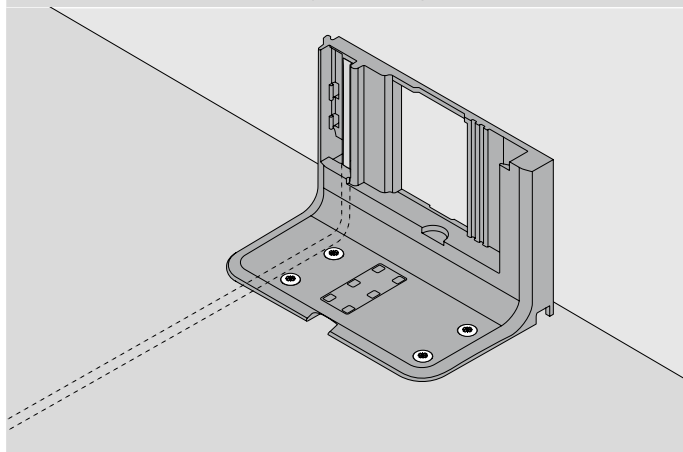
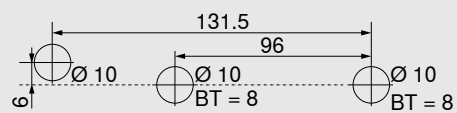
Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn - vỏ bộ nguồn.		
		Vui lòng lưu ý Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt. Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.
Lắp đáy	Lắp vào ván hậu/bas treo tường	

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum							
	Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm <table> <tr> <th>Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)</th><th>Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)</th></tr> <tr> <td>Lên đến 300</td><td>2</td></tr> <tr> <td>Từ 301</td><td>4</td></tr> </table> FA Trùm ngoài FH Chiều cao mặt ngăn kéo	Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)	Lên đến 300	2	Từ 301	4
Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)						
Lên đến 300	2						
Từ 301	4						

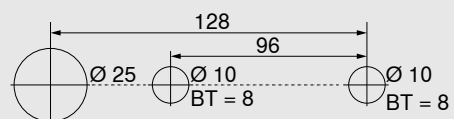
Lắp đáy – bas đơn

Đáy tủ – Vị trí khoan

Đi dây điện xuống



Kiểu khoan thay thế cho MINIPRESS top và MINIPRESS



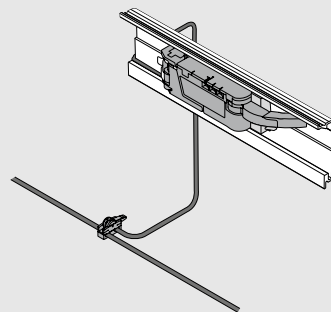
BT Chiều sâu lỗ khoan

Tủ có một ngăn kéo – thanh nhôm lắp ngang



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Với thanh nhôm lắp ngang
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng với các thành phần lắp ráp sẵn

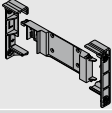
Yêu cầu về không gian



Mã đặt hàng

Nút đệm tạo khe hở Blum			
	Ø (mm)	Màu sắc	
	5	TGR	993.0530
	8	TGR	993.0830.01
Đối với chiều cao cánh dưới 300 mm, sử dụng 2 chiếc			
Chiều cao mặt cánh từ 300 mm trở lên, sử dụng 4 chiếc			
Đối với ray trượt LEGRABOX/MERIVOBX 70 kg, sử dụng 4 chiếc			
Đối với ray trượt TANDEMBOX 65 kg, sử dụng 4 chiếc			

Thanh nhôm lắp ngang			
	Chiều dài (mm)	Chất liệu	
	1143	Alu	Z10T1143B
Dành cho chiều rộng tủ KB 275–1200 mm			
Cắt:	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW – 19 mm		

Khớp cố định thanh nhôm lắp ngang			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D5210
Bao gồm:			
1x khớp cố định thanh nhôm phía bên trái/phải			
1x khớp liên kết cho bộ đẩy			
Có thể sử dụng vít dùng cho ván công nghiệp và vít hệ thống			

Bộ đẩy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04
Bao gồm tay đẩy mở rộng			

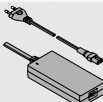
Nắp bảo vệ tay đẩy cho LEGRABOX			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10A3006
Hậu ngăn kéo bằng thép			
Yêu cầu từ chiều cao M và chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW từ 267–286 mm			

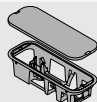
Hướng dẫn kích hoạt cho TANDEMBOX			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z10A3H00
Hậu ngăn kéo bằng gỗ			
Yêu cầu LW từ 242–316 mm			

Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE
Bao gồm:			
1x dây điện SERVO-DRIVE			
5x Nút bảo vệ đầu dây điện			
Cắt theo kích thước			
Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ			

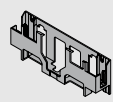
Tủ có một ngăn kéo – thanh nhôm lắp ngang

	Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x kẹp nối dây điện			
2x nút bảo vệ đầu dây điện			

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

	Vỏ bộ nguồn		
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

	Vỏ bộ nguồn		
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Phụ kiện

	Bas nhựa giữ dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

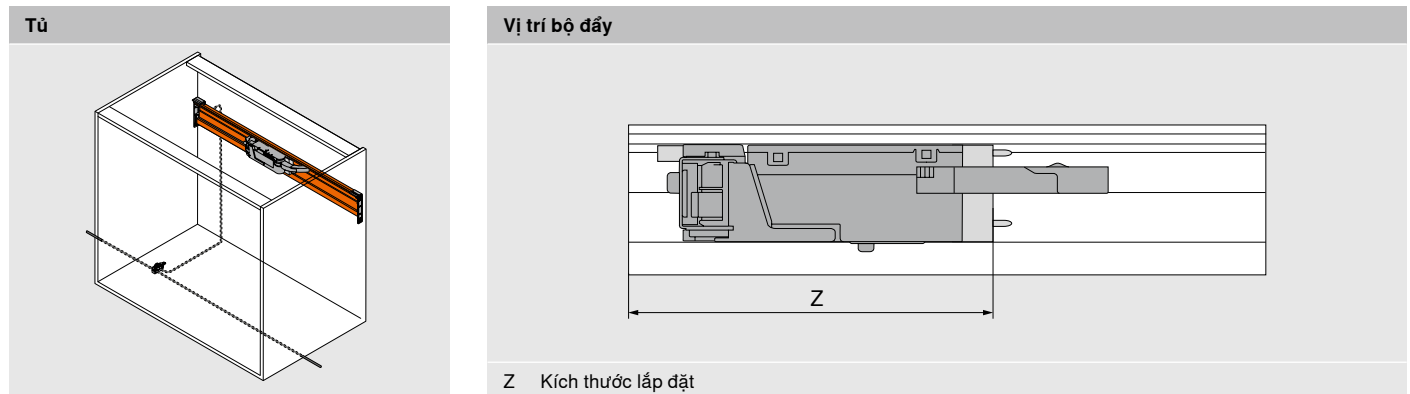
	Khớp nối cố định mặt cánh/dây		
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z96.10E1

Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã			
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*	
E	Châu Âu	A	DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B	DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C	EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D	EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E	CS, HU, PL, SK
N	CN	F	BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
R	KR	G	EN, ES, FR
S	BR	H	EN, ZH, KO
T	TW	I	EN
U	US CA JP	J	JA
Z	ZA	K	EN, ES, PT
* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639			

Tủ có một ngăn kéo – thanh nhôm lắp ngang

Lập kế hoạch



Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)									
			242–266			267–286				287–316		
			Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Nắp bảo vệ tay đẩy	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	–	–	–	–	193	✕	–
	bằng gỗ	M K C F	–	–	–	182	●	–	○	182	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	177	✕	–	–	177	●	–
	bằng gỗ	M K E F	–	–	–	177	✕	–	–	177	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	177	●	–	–	177	●	–
	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	–	–	–	–	193	✕	○
	bằng gỗ	M K B C D	182	✕	●	182	✕	●	○	182	●	●
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo	N	–	–	–	193	✕	○	○	193	●	○
	bằng thép	M K B C D	–	–	–	182	✕	○	○	182	●	○

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
			317–386			≥ 387		
			Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	193	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	M K C F	182	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng thép	M K C F	182	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	177	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	M K E F	177	●	–	LW / 2	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	M K E F	177	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	193	●	○	LW / 2	●	○
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	M K B C D	182	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	193	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo bằng thép	M K B C D	182	●	○	LW / 2	●	○

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

○ Không cần

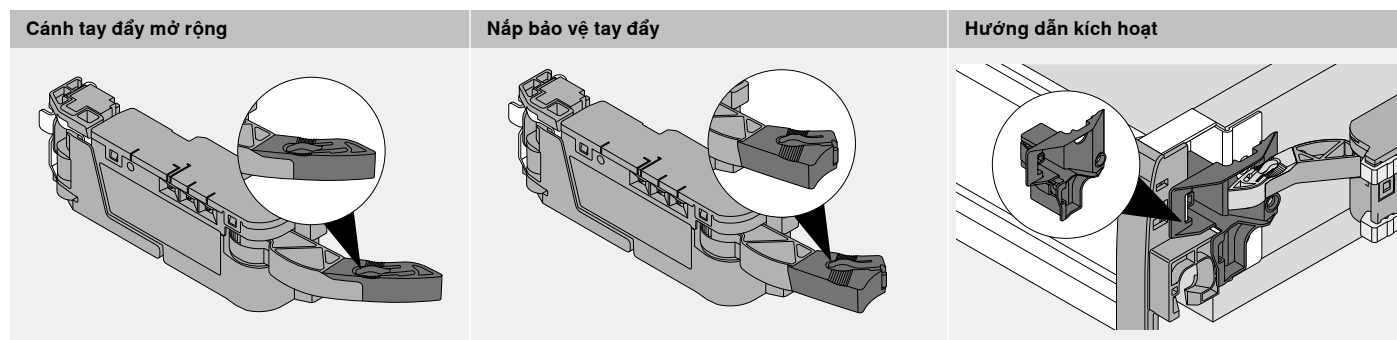
Z Kích thước lắp đặt

– Không thể

● Bắt buộc

✗ Loại bỏ

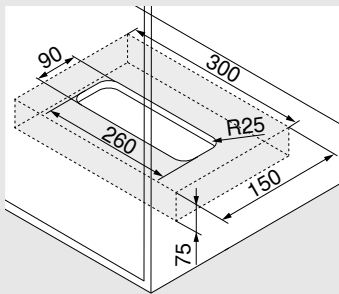
Tủ có một ngăn kéo – thanh nhôm lắp ngang



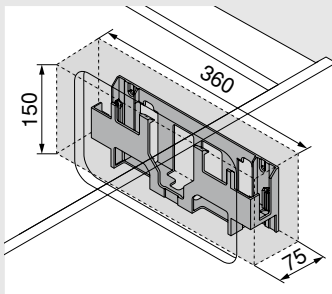
Khoảng cách khoan			
LEGRABOX		Hậu ngăn kéo	X (mm)
		Hậu ngăn kéo bằng gỗ	NL - 9
		Hậu ngăn kéo bằng thép	NL - 26
		NL	Chiều dài ray
		X	Vị trí khoan
		Y	Yêu cầu về không gian tối thiểu
MERIVOBX		Y (mm)	
		NL + 37	
		NL + 20	
		NL	Chiều dài ray
		X	Vị trí khoan
		Y	Yêu cầu về không gian tối thiểu
TANDEMBOX		Y (mm)	
		NL + 37	
		NL + 20	
		NL	Chiều dài ray
		X	Vị trí khoan
		Y	Yêu cầu về không gian tối thiểu

Tủ có một ngăn kéo – thanh nhôm lắp ngang

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn – vỏ bộ nguồn.



Lắp đáy

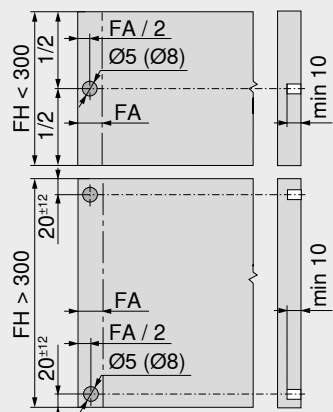


Lắp vào ván hậu/bas treo tường

Vui lòng lưu ý

Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt.
Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.

Lắp ráp mặt cánh – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum



Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)
Lên đến 300	2
Từ 301	4
FA Trùm ngoài	
FH Chiều cao mặt ngăn kéo	

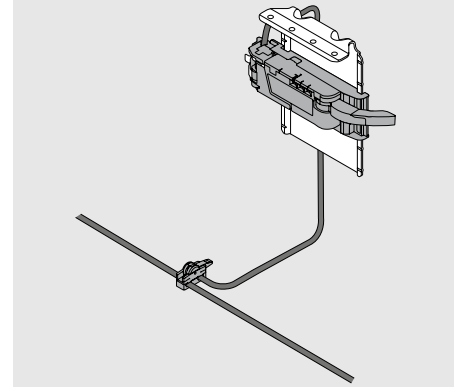
Lưu ý

Tủ có một ngăn kéo – bas lắp trên



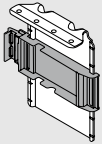
- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Có bas lắp trên
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng với các thành phần lắp ráp sẵn

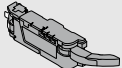
Yêu cầu về không gian



Mã đặt hàng

Nút đệm tạo khe hở Blum			
	Ø (mm)	Màu sắc	
	5	TGR	993.0530
	8	TGR	993.0830.01
Đối với chiều cao cánh dưới 300 mm, sử dụng 2 chiếc			
Chiều cao mặt cánh từ 300 mm trở lên, sử dụng 4 chiếc			
Đối với ray trượt LEGRABOX/MERIVOBX 70 kg, sử dụng 4 chiếc			
Đối với ray trượt TANDEMBOX 65 kg, sử dụng 4 chiếc			

Bas đỡ gắn trên			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR/ZN	Thép	Z10D6252
	Bao gồm khớp cho bộ đẩy lắp sẵn		

Bộ đẩy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04
Bao gồm tay đẩy mở rộng			

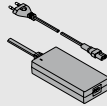
Nắp bảo vệ tay đẩy cho LEGRABOX			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10A3006
Hậu ngăn kéo bằng thép			
Yêu cầu từ chiều cao M và chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW từ 267–286 mm			

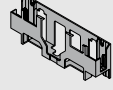
Hướng dẫn kích hoạt cho TANDEMBOX			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z10A3H00
Hậu ngăn kéo bằng gỗ			
Yêu cầu LW từ 242–316 mm			

Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE
Bao gồm:			
1x dây điện SERVO-DRIVE			
5x Nút bảo vệ đầu dây điện			
Cắt theo kích thước			
Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ			

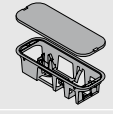
Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x kẹp nối dây điện			
2x nút bảo vệ đầu dây điện			

Tủ có một ngăn kéo – bas lắp trên

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây cắm điện					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
	1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)			
	1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)			

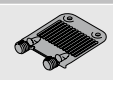
Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Phụ kiện

Bas nhựa giữ dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

Khớp nối cố định mặt cánh/đáy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	R7037	K	Z96.10E1

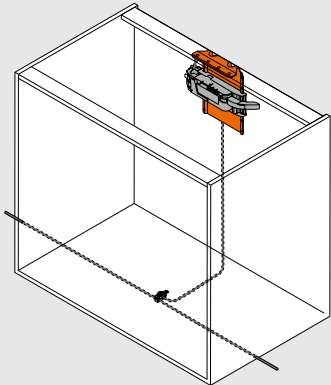
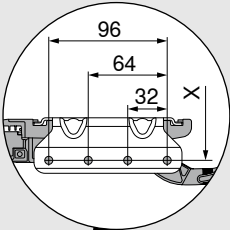
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã			
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*	
E	Châu Âu	A	DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B	DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C	EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D	EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E	CS, HU, PL, SK
N	CN	F	BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
R	KR	G	EN, ES, FR
S	BR	H	EN, ZH, KO
T	TW	I	EN
U	US CA JP	J	JA
Z	ZA	K	EN, ES, PT

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Tủ có một ngăn kéo – bas lắp trên

Lập kế hoạch

Tủ	Vị trí bộ đẩy	
		A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy
		E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt
		X Vị trí khoan
Khung đỡ ngang phải được cố định an toàn vào mặt bàn bếp		

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray hộp														
Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)											
			242–266			267–286			287–316			≥ 317		
			Một mm	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)	Một mm	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)	Một mm	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)	Một mm	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	–	–	–	45	84	174	45	84	174
		M K C F	–	–	–	45	84	174	45	84	174	45	84	174
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	–	45	84	174	45	84	174	45	84	174
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	28	50	139	28	50	139	28	50	139
		M K E F	–	–	–	45	67	157	45	67	157	45	67	157
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	–	45	67	157	45	67	157	45	67	157
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	35	79	180	35	79	180	35	79	180	28	79	180
		M K B C D	35	79	180	35	79	180	35	79	180	35	79	180
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	28	79	180	28	79	180
		M K B C D	–	–	–	35	79	180	35	79	180	35	79	180
A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy														
E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt														
– Không thể														

Tủ có một ngăn kéo – bas lắp trên

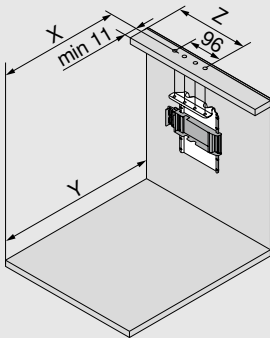
Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray trượt										
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)								
		224–234			235–428			≥ 429		
		A (mm)	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	E tối đa (mm)
MOVENTO	≥ 79	–	–	–	60	100	190	35	75	165
TANDEM	≥ 79	55	96	187	55	96	187	35	75	167

A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy

E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

– Không thể

Khoảng cách khoan cho hệ thống ray hộp			
	Hậu ngăn kéo	X (mm)	Y (mm)
	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	NL - 1	NL + 34
	Hậu ngăn kéo bằng thép	NL - 18	NL + 17
	NL Chiều dài ray		
	X Vị trí khoan		
	Y Yêu cầu về không gian tối thiểu		
	Z Kích thước lắp đặt		

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)									
			242–266			267–286				287–316		
			Z mm	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z mm	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Nắp bảo vệ tay đẩy	Z mm	Cánh tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
		M K C F	–	–	–	184	●	–	–	184	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K C F	–	–	–	184	✗	–	●	184	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	–	–	–	174	✗	–	–	174	●	–
		M K E F	–	–	–	174	✗	–	–	174	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	–	–	–
		M K E F	–	–	–	174	●	–	–	174	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	✗	●	179	●	●	–	179	●	●
		M K B C D	179	✗	●	179	●	●	–	179	●	●
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–	–	190	✗	–
		M K B C D	–	–	–	179	✗	–	–	179	●	–

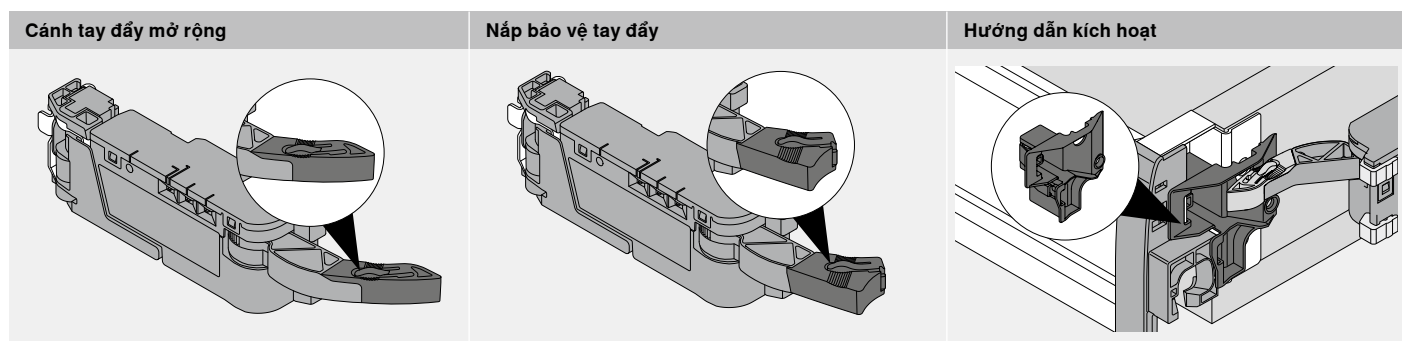
LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ	○ Không cần
Z Kích thước lắp đặt	– Không thể
● Bắt buộc	✗ Loại bỏ

Tủ có ngăn kéo đơn – bas lắp trên

Hệ thống ray hộp	Hậu ngăn kéo	Chiều cao hậu ngăn kéo	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)					
			317–386			≥ 387		
			Z mm	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt	Z mm	Tay đẩy mở rộng	Hướng dẫn kích hoạt
LEGRABOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	184	●	–	LW / 2	●	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K C F	184	●	–	LW / 2	●	–
MERIVOBX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	174	●	–	LW / 2	●	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	–	–	–	–	–	–
		M K E F	174	●	–	LW / 2	●	–
TANDEMBOX	Hậu ngăn kéo bằng gỗ	N	179	●	○	LW / 2	●	○
		M K B C D	179	●	○	LW / 2	●	○
	Hậu ngăn kéo bằng thép	N	190	●	–	LW / 2	●	–
		M K B C D	179	●	–	LW / 2	●	–

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ
Z Kích thước lắp đặt
● Bắt buộc

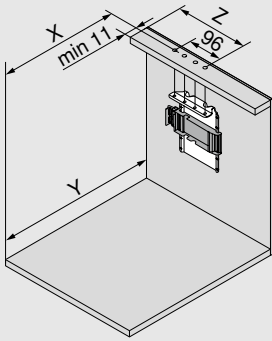
○ Không cần
– Không thể
✗ Loại bỏ



Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn – vỏ bộ nguồn.		
		Vui lòng lưu ý Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt. Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.
Lắp đáy	Lắp vào ván hậu/bas treo tường	

Tủ có ngăn kéo đơn – bas lắp trên

Khoảng cách khoan cho hệ thống ray trượt



Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	X (mm)	Y (mm)
≥ 79	NL – 5	NL + 30
NL Chiều dài ray		
X Vị trí khoan		
Y Yêu cầu về không gian tối thiểu		
Z Kích thước lắp đặt		

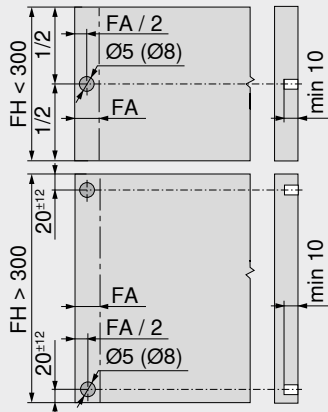
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	–	–	164	●	164	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	164	–	164	●	LW / 2	●	LW / 2	●

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

Z Kích thước lắp đặt

- Bắt buộc
- Không thể

Lắp ráp mặt cánh – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum



Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

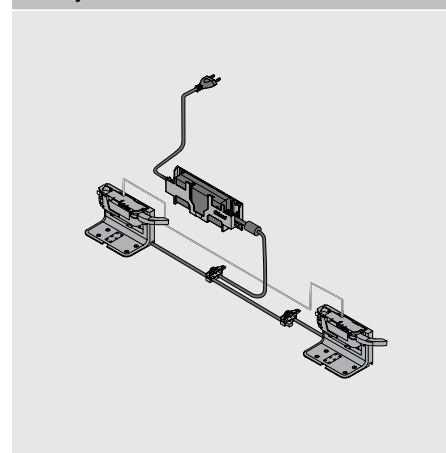
Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)	Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)
Lên đến 300	2
Từ 301	4
FA Trùm ngoài	
FH Chiều cao mặt ngăn kéo	

Hai ngăn kéo sử dụng chung một mặt cánh



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Kích hoạt đồng bộ hai ngăn kéo và/hoặc các ứng dụng rộng
- Có bas lắp đặt
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng với các thành phần lắp ráp sẵn

Đi dây



Mã đặt hàng

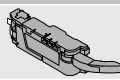
	Nút đệm tạo khe hở Blum		
	Ø (mm)	Màu sắc	
	5	TGR	993.0530
	8	TGR	993.0830.01

Đối với chiều cao cánh dưới 300 mm, sử dụng 2 chiếc

Chiều cao mặt cánh từ 300 mm trở lên, sử dụng 4 chiếc

	Bas đỡ 1 tầng		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D0311

Cho 1 bộ đẩy

	Bộ đẩy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04

Bao gồm tay đẩy mở rộng

	Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện		
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE

Bao gồm:

1x dây điện SERVO-DRIVE

5x Nút bảo vệ đầu dây điện

Cắt theo kích thước

Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ

	Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01

Bao gồm:

1x kẹp nối dây điện

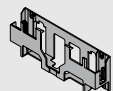
2x nút bảo vệ đầu dây điện

	Vỏ bộ nguồn		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000

Bao gồm nắp

Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE

Thay thế

	Vỏ bộ nguồn		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120

Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE

Phụ kiện

	Bas nhựa giữ dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009

Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE

Hai ngăn kéo sử dụng chung một mặt cánh

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

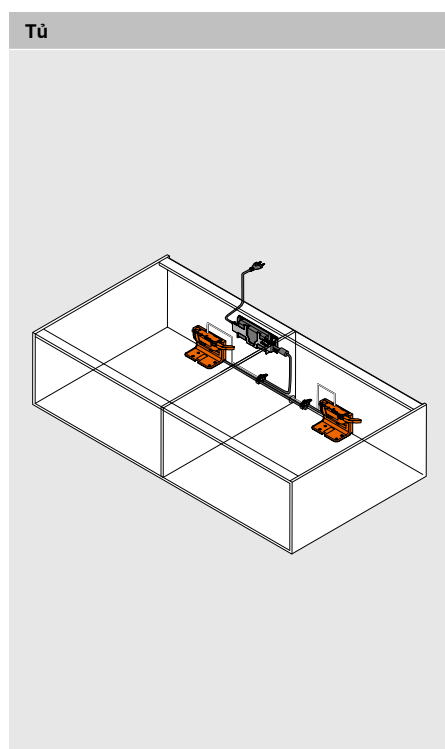
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã		
Thị trường	Các gói ngôn ngữ*	
E Châu Âu	A	DE, EN, FR, IT, NL
B GB	B	DA, EN, FI, NO, SV
H IN	C	EL, EN, HR, SR, SL, TR
I IL	D	EN, ES, FR, IT, PT
K AU	E	CS, HU, PL, SK
N CN	F	BG, ET, LV, LT, RO, RU, UK
R KR	G	EN, ES, FR
S BR	H	EN, ZH, KO
T TW	I	EN
U US CA JP	J	JA
Z ZA	K	EN, ES, PT

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Dây đồng bộ		
	Chiều dài (mm)	
	80	Z10K008S
	500	Z10K050S
	1200	Z10K120S
	1600	Z10K160S
Kết nối hai bộ dây cần mở đồng thời		

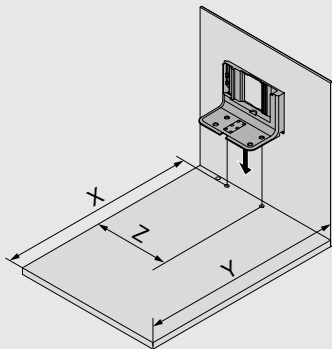
Lập kế hoạch



Lắp dây – bas đơn		
	X	Vị trí khoan
	A	Khoảng cách giữa mép dưới bas lắp bộ dây và mép dưới cùng của bộ dây
	*	Được đo từ mép trước của tủ
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)
		≥ 429 A (mm)
MOVENTO	≥ 79	35
TANDEM	≥ 79	35

Hai ngăn kéo sử dụng chung một mặt cánh – bas đơn

Lắp đáy – bas đơn



Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)

 ≥ 79

X (mm)

 $NL + 16$

Y (mm)

 $NL + 30$

Z (mm)

 $LW / 2$

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

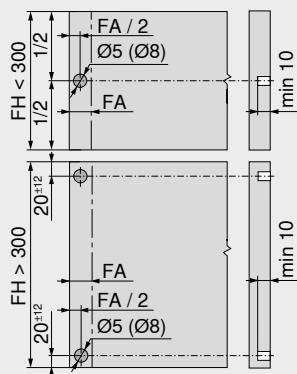
NL Chiều dài ray

X Vị trí khoan

Y Yêu cầu về không gian tối thiểu

Z Kích thước lắp đặt

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum



Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Chiều cao mặt ngăn kéo FH (mm)

Lên đến 300

Từ 301

Nút đệm tạo khe hở Blum (chiếc)

2

4

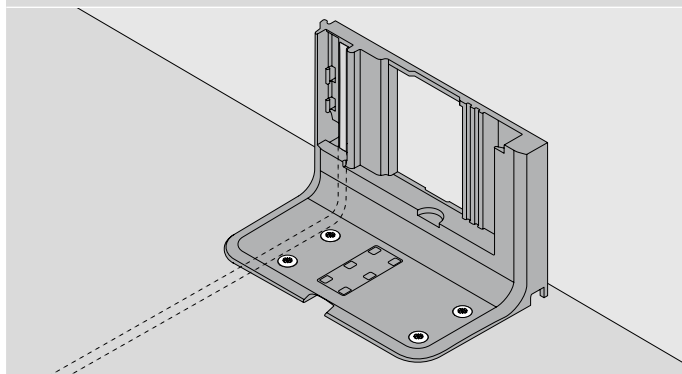
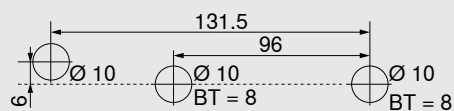
FA Trùm ngoài

FH Chiều cao mặt ngăn kéo

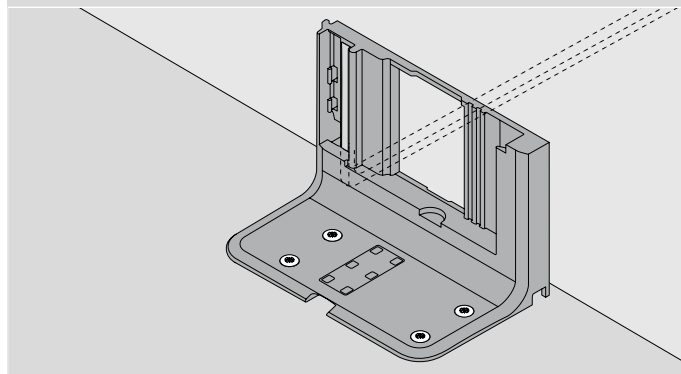
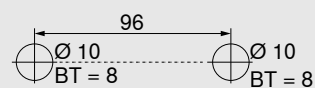
Hai ngăn kéo sử dụng chung một mặt cánh – bas đơn

Đáy tủ – Vị trí khoan

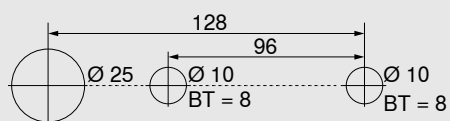
Đi dây điện xuống



Đi dây điện ra sau

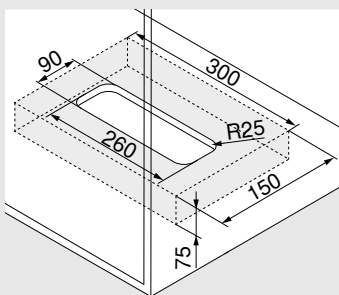


Kiểu khoan thay thế cho MINIPRESS top và MINIPRESS

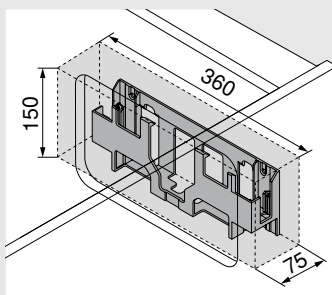


BT Chiều sâu lỗ khoan

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn – vỏ bộ nguồn.



Lắp đáy



Lắp vào ván hậu/bas treo tường

Vui lòng lưu ý

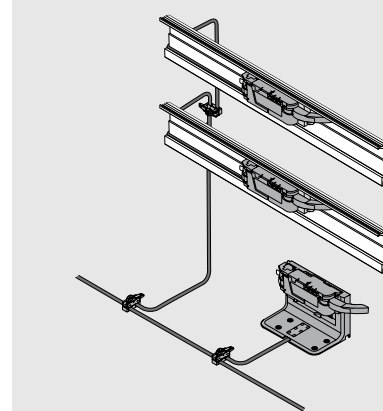
Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt. Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.

Tủ có chiều sâu ngăn kéo khác nhau/ngăn kéo âm



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Với khớp nối và thanh nhôm lắp ngang
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng với các thành phần lắp ráp sẵn

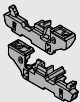
Đi dây

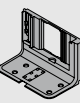


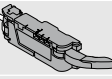
Mã đặt hàng

Nút đệm tạo khe hở Blum			
	Ø (mm)	Màu sắc	
	5	TGR	993.0530
	8	TGR	993.0830.01
Đối với chiều cao cánh dưới 300 mm, sử dụng 2 chiếc			
Chiều cao mặt cánh từ 300 mm trở lên, sử dụng 4 chiếc			

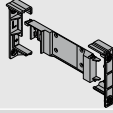
Nút đệm tạo khe hở Blum – ngăn kéo âm			
	Ø (mm)		
	10		993.2000
	TANDEM		
Nút đệm tạo khe hở Blum có thể điều chỉnh cho ngăn kéo âm và mặt cánh lắp âm với TANDEM			

Điều chỉnh độ sâu – ngăn kéo âm		
	MOVENTO	298.7600
Chỉ sử dụng cho các ứng dụng lọt lòng		
Nút đệm tạo khe hở Blum tích hợp		
Phù hợp với thiết bị khóa ray T51.7601		

Bas đỡ 1 tầng			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D0311
Cho 1 bộ đẩy			

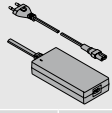
Bộ đẩy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04
Bao gồm tay đẩy mở rộng			

Thanh nhôm lắp ngang			
	Chiều dài (mm)	Chất liệu	
	1143	Alu	Z10T1143B
Dành cho chiều rộng tủ KB 275–1200 mm			
Cắt:	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW – 19 mm		

Khớp cố định thanh nhôm lắp ngang			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10D5210
Bao gồm:			
1x khớp cố định thanh nhôm phía bên trái/phải			
1x khớp liên kết cho bộ đẩy			
Có thể sử dụng vít dùng cho ván công nghiệp và vít hệ thống			

Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE
Bao gồm:			
1x dây điện SERVO-DRIVE			
5x Nút bảo vệ đầu dây điện			
Cắt theo kích thước			
Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ			

Tủ có chiều sâu ngăn kéo khác nhau/ngăn kéo âm

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

Thị trường và các gói ngôn ngữ

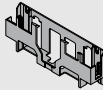
Mã		
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*
E	Châu Âu	A DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E CS, HU, PL, SK
N	CN	F BG, ET, LV, LT, RO, RU, UK
R	KR	G EN, ES, FR
S	BR	H EN, ZH, KO
T	TW	I EN
U	US CA JP	J JA
Z	ZA	K EN, ES, PT

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x kẹp nối dây điện			
2x nút bảo vệ đầu dây điện			

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Phụ kiện

Bas nhựa giữ dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

Tủ có chiều sâu ngăn kéo khác nhau/ngăn kéo âm – thanh nhôm ngang

Lập kế hoạch

Tủ

Vị trí – bộ đẩy

Z Kích thước lắp đặt

Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Cánh tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	167	–	167	●	167	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	167	–	167	●	LW / 2	●	LW / 2	●

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

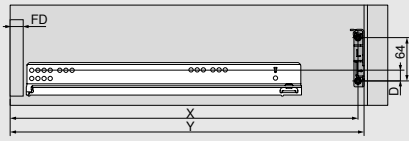
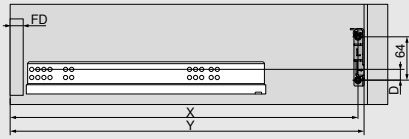
Z Kích thước lắp đặt

● Bắt buộc

– Không thể

Cánh tay đẩy mở rộng

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí của nút đệm tạo khe hở Blum			
TANDEM			
Ngăn kéo âm			
Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm			
Ray trượt	Loại mở rộng	B (mm)	C (mm)
56xH / 56xF	Mở toàn phần	16.5 ±1	12.0 +-1
55xH / 55xF	Mở 3/4	18.5 ±0.5	13.5 ±0.5
Độ dày mặt ngăn kéo FD (mm)	Chiều sâu lỗ khoan BT (mm)	Phạm vi điều chỉnh (mm)	
13.0	10.0	+1.75 / –0.25	
Từ 14,5	11.5	±1.75	

Khoảng cách khoan
MOVENTO

TANDEM

Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)
 ≥ 79
X (mm)
 $NL + FD + 26$
Y (mm)
 $NL + FD + 36$

FD Độ dày mặt ngăn kéo

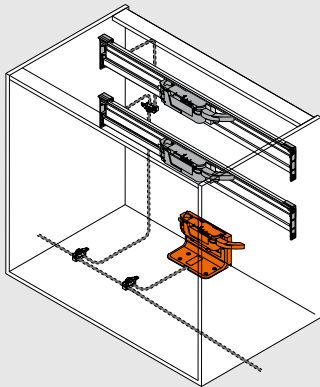
NL Chiều dài ray

X Vị trí khoan

Y Yêu cầu về không gian tối thiểu

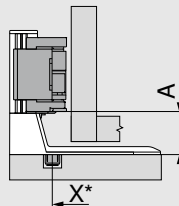
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)
		≥ 429
		D (mm)
MOVENTO	≥ 79	19
TANDEM	≥ 79	19

D Khoảng cách từ vị trí lắp ray trượt đến vị trí lắp đặt khớp thanh nhôm

Tủ

Vị trí – bộ đẩy

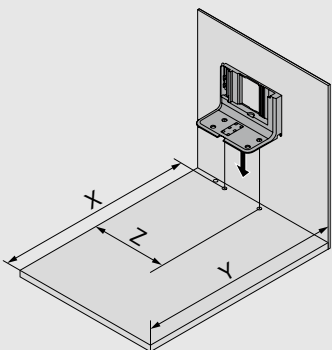
X Vị trí khoan

A Khoảng cách giữa mép dưới bas lắp bộ đẩy và mép dưới cùng của bộ đẩy



* Được đo từ mép trước của tủ

Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)
		≥ 429
		A (mm)
MOVENTO	≥ 79	35
TANDEM	≥ 79	35

Khoảng cách khoan – Đáy tủ

Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)
 ≥ 79
X (mm)
 $NL + 16$
Y (mm)
 $NL + 30$
Z (mm)
 $LW / 2$

LW Chiều rộng lọt lòng thùng tủ

NL Chiều dài ray

X Vị trí khoan

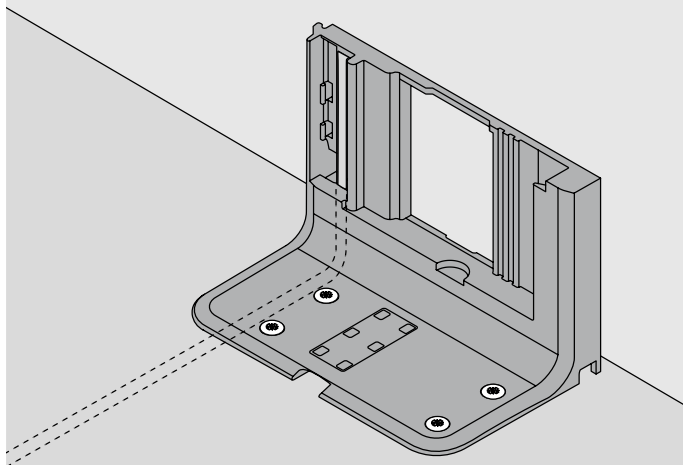
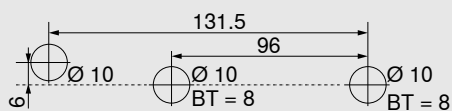
Y Yêu cầu về không gian tối thiểu

Z Kích thước lắp đặt

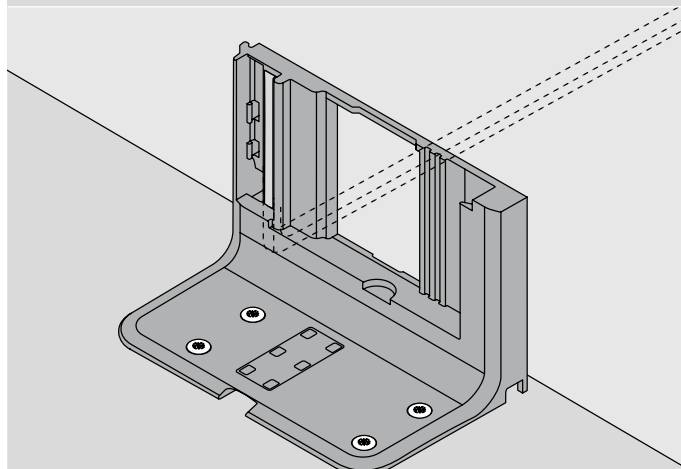
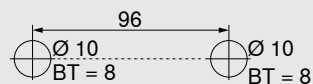
Tủ có chiều sâu ngăn kéo khác nhau/ngăn kéo âm – thanh nhôm ngang

Đáy tủ – Vị trí khoan

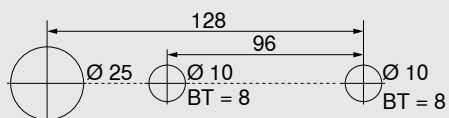
Đi dây điện xuống



Đi dây điện ra sau

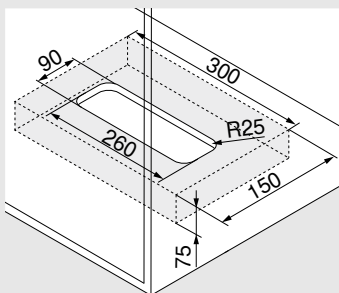


Kiểu khoan thay thế cho MINIPRESS top và MINIPRESS

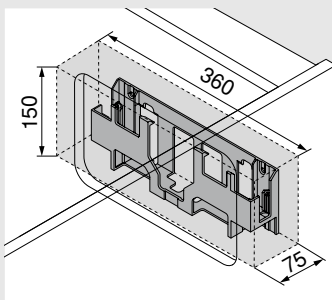


BT Chiều sâu lỗ khoan

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn - vỏ bộ nguồn.



Lắp đáy



Lắp vào ván hậu/bas treo tường

Vui lòng lưu ý

Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt.
Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.

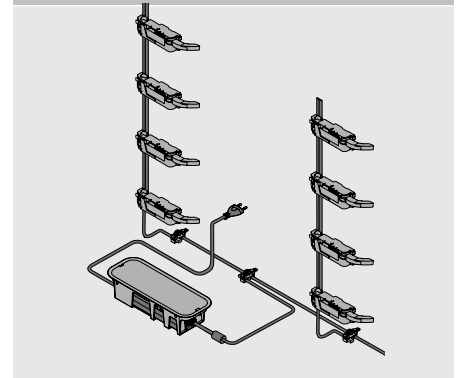
Lưu ý

Ngăn kéo lộn lộn



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Với thanh nhôm dọc
- Không có liên kết cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp ráp bộ đẩy không cần dụng cụ
- Nối dây điện đơn giản

Đi dây



Mã đặt hàng

Nút đệm tạo khe hở Blum – ngăn kéo âm		
	Ø (mm)	
	10	993.2000
	TANDEM	
Nút đệm tạo khe hở Blum có thể điều chỉnh cho ngăn kéo âm và ngăn kéo lộn lộn với TANDEM		

Điều chỉnh độ sâu – ngăn kéo âm		
	MOVENTO	298.7600
Chỉ sử dụng cho các ứng dụng lộn lộn		
Nút đệm tạo khe hở Blum tích hợp		
Phù hợp với thiết bị khóa ray T51.7601		

Thanh nhôm			
	Giá đỡ có dây điện SERVO-DRIVE		
	Chiều dài (mm)		
	650	Z10T650AA	750 Z10T750AA
	700	Z10T700AA	800 Z10T800AA
	710	Z10T710AA	
	Thanh nhôm không có dây điện SERVO-DRIVE		
	Chiều dài (mm)		
	1170		Z10T1170A
Thanh nhôm cắt theo kích thước			
Cắt:	Chiều cao lộn lộn thùng tủ LH - 10 mm		

Khớp gắn thanh nhôm trên/dưới		
	Khung đỡ ngang	
	Màu sắc	Chất liệu
	TGR	K Z10D01E0.01

Thay cho 3

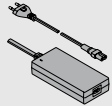
Phụ kiện lắp thanh nhôm dưới/sau		
	Khung đỡ dọc	
	Màu sắc	Chất liệu
	TGR	K Z10D01EA.01

Bộ đẩy			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10A3000.04
	Bao gồm tay đẩy mở rộng		

	Dây điện SERVO-DRIVE và nút bảo vệ đầu dây điện		
	Màu sắc	Chiều dài (m)	
	SZ	8	Z10K800AE
Bao gồm:			
1x dây điện SERVO-DRIVE			
5x Nút bảo vệ đầu dây điện			
Cắt theo kích thước			
Có thể sử dụng làm dây dẫn điện, dây điện cho thanh nhôm và dây đồng bộ			

	Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x kẹp nối dây điện			
2x nút bảo vệ đầu dây điện			

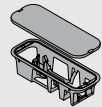
Ngăn kéo lọt lòng

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

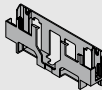
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã		
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*
E	Châu Âu	A DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E CS, HU, PL, SK
N	CN	F BG, ET, LV, LT, RO, RU, UK
R	KR	G EN, ES, FR
S	BR	H EN, ZH, KO
T	TW	I EN
U	US CA JP	J JA
Z	ZA	K EN, ES, PT

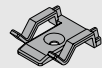
* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

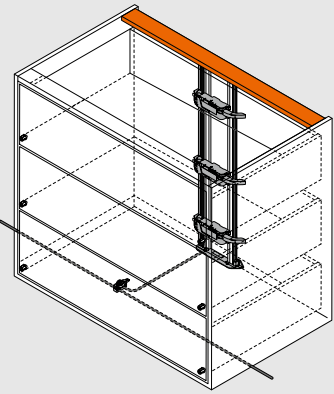
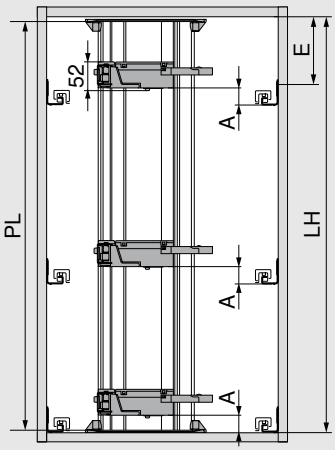
Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Phụ kiện

Bas nhựa giữ dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009
Ví dụ: để cố định dây điện SERVO-DRIVE			

Ngăn kéo lờng

Lập kế hoạch

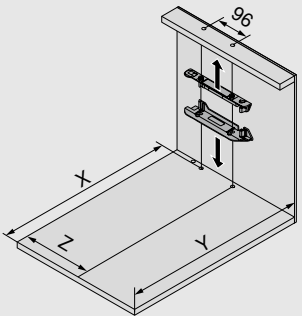
Tủ	Vị trí – bộ đẩy
	 <p>PL = LH – 10 mm</p> <p>Làm tròn xuống số thập phân gần nhất</p> <p>LH Chiều cao lờng thùng tủ</p> <p>PL Chiều dài thanh nhôm lắp bộ đẩy</p> <p>A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy</p> <p>E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt</p>

Vị trí – bộ đẩy		Chiều rộng lờng thùng tủ LW (mm)					
Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	224–234		235–428		≥ 429	
		A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)	A (mm)	E tối thiểu (mm)
MOVENTO	≥ 79	–	–	60	74	35	49
TANDEM	≥ 79	55	71	55	71	35	51

A Khoảng cách giữa mép dưới ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy

E Khoảng cách giữa mép dưới nóc tủ và vị trí lắp ray trượt

– Không thể

Khoảng cách khoan – Đáy tủ Khung đỡ ngang			
	Hậu ngăn kéo	X (mm)	Y (mm)
	≥ 79	NL + FD + 18	NL + FD + 34
	FD Độ dày mặt ngăn kéo		
	NL Chiều dài ray		
	X Vị trí khoan		
	Y Yêu cầu về không gian tối thiểu		
	Z Kích thước lắp đặt		

Hệ thống ray trượt	Chiều cao ngăn kéo SKH (mm)	Chiều rộng lờng thùng tủ LW (mm)							
		224–234		235–388		389–428		≥ 429	
		Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng	Z (mm)	Tay đẩy mở rộng
MOVENTO	≥ 79	–	–	164	●	164	●	LW / 2	●
TANDEM	≥ 79	164	–	164	●	LW / 2	●	LW / 2	●

LW Chiều rộng lờng thùng tủ

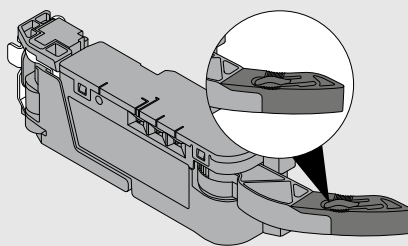
Z Kích thước lắp đặt

● Bắt buộc

– Không thể

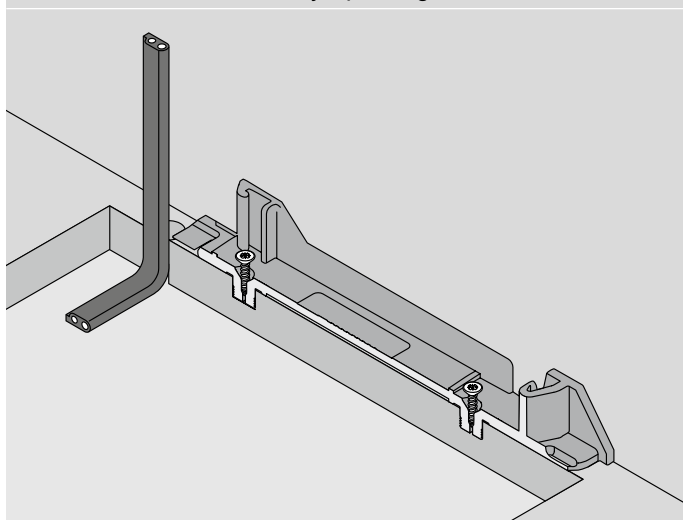
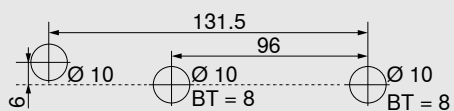
Ngăn kéo lọt lòng

Cánh tay đẩy mở rộng

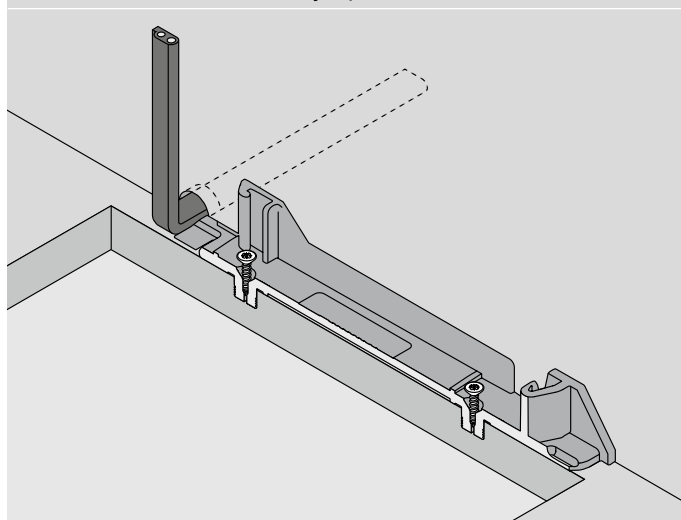
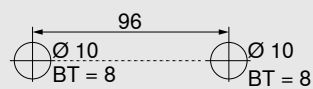


Đáy tủ – Vị trí khoan

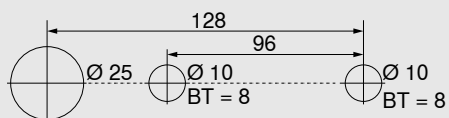
Đi dây điện xuống



Đi dây điện ra sau



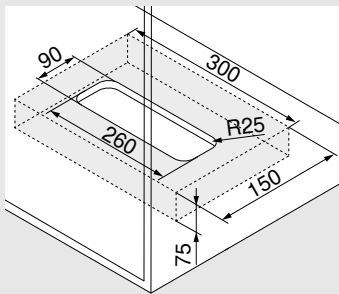
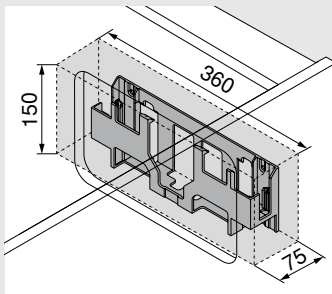
Kiểu khoan thay thế cho MINIPRESS top và MINIPRESS



BT Chiều sâu lỗ khoan

Ngăn kéo lọt lòng

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn – vỏ bộ nguồn.



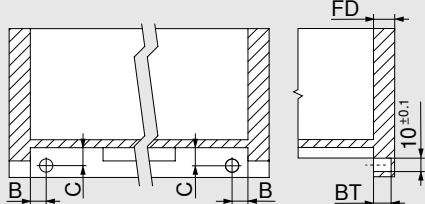
Vui lòng lưu ý

Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt.
Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.

Lắp đáy

Lắp vào ván hậu/bas treo tường

Lắp ráp mặt ngăn kéo – vị trí của nút đệm tạo khe hở Blum



TANDEM

Ngăn kéo âm

Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Ray trượt	Loại mở rộng	B (mm)	C (mm)
56xH / 56xF	Mở toàn phần	16.5 ±1	12.0 +-1
55xH / 55xF	Mở 3/4	18.5 ±0.5	13.5 ±0.5
Độ dày mặt ngăn kéo FD (mm)	Chiều sâu lỗ khoan BT (mm)	Phạm vi điều chỉnh (mm)	
13.0	10.0	+1.75 / -0.25	
Từ 14,5	11.5	±1.75	

Lưu ý

Giải pháp ngăn kéo thùng rác lắp dưới cho ray hộp và ray trượt



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Phù hợp cho các ứng dụng riêng lẻ
- Dành cho giải pháp ngăn kéo thùng rác lắp dưới
- Cũng là lựa chọn lý tưởng cho phụ kiện trang bị thêm
- Không có kết nối cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng và đơn giản với các linh kiện lắp ráp trước

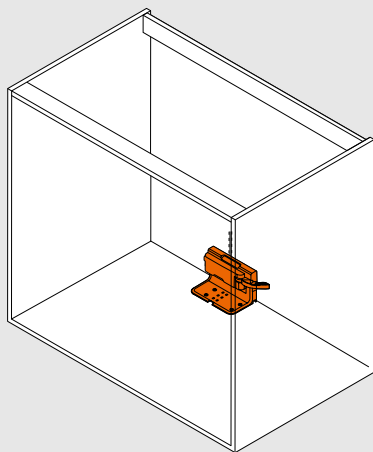


Mã đặt hàng

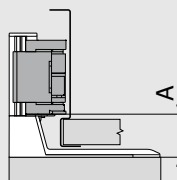
Bộ gắn sẵn		
Bao gồm:		
	2 x	Nút đệm tạo khe hở Blum
	1 x	Bas đỡ 1 tầng
	1 x	Bộ đẩy
	1 x	Bảo vệ khi vận chuyển
	1 x	Tính năng chống thấm nước cho bas đơn
	1 x	Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm
	1 x	Tờ thông tin hướng dẫn
	1 x	Xách định vị trí thanh nhôm
	7 x	Vít cho nút đệm tạo khe hở Blum và giá gắn

Giải pháp ngăn kéo thùng rác lắp dưới cho ray hộp và ray trượt

Tủ



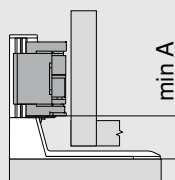
Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray hộp



Hệ thống ray hộp	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)	
	≥ 387	
	A min. (mm)	A max. (mm)
LEGRABOX	45	47
MERIVOBX	28	45
TANDEMBOX	28	43

A Khoảng cách giữa mép dưới hệ thống ray trượt và mép dưới cùng của bộ đẩy

Vị trí – bộ đẩy – hệ thống ray trượt

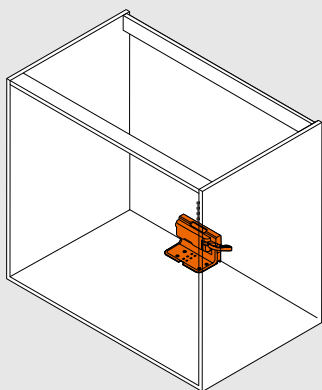


Hệ thống ray trượt	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)	
	≥ 429	
	A (mm)	
MOVENTO	35	
TANDEM	35	

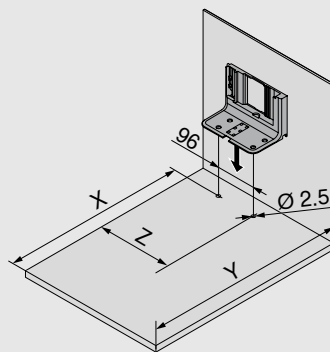
A Khoảng cách giữa mép dưới bas lắp bộ đẩy và mép dưới cùng của bộ đẩy

Giải pháp ngăn kéo thùng rác lắp dưới cho ray hộp và ray trượt

Tủ

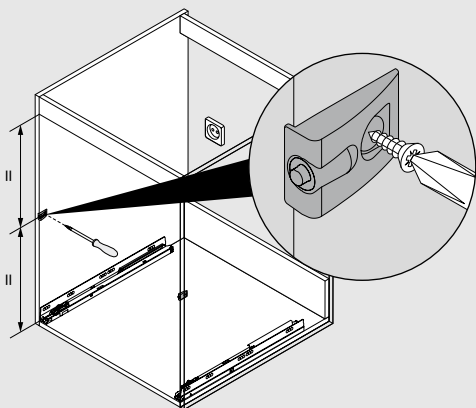


Khoảng cách khoan – Đáy tủ không xác định vị trí bas



Hệ thống ray hộp	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)		
	≥ 387		
	X (mm)	Y (mm)	Z (mm)
Hậu ngăn kéo bằng gỗ	NL - 45	NL + 35	LW / 2
Hậu ngăn kéo bằng thép	NL - 62	NL + 18	LW / 2
Hệ thống ray trượt	Chiều rộng lọt lòng thùng tủ LW (mm)		
	≥ 429		
	X (mm)	Y (mm)	Z (mm)
MOVENTO	NL - 48	NL + 30	LW / 2
TANDEM	NL - 48	NL + 30	LW / 2
NL Chiều dài ray			
X Vị trí khoan			
Y Yêu cầu về không gian tối thiểu			
Z Kích thước lắp đặt			

Vi trí – nút đêm tao khe hở Blum



Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Lưu ý

Giải pháp cho ngăn kéo thùng rác lắp trên với TANDEMBOX



- Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện kết hợp với cơ chế giảm chấn BLUMOTION giúp giảm ồn khi đóng
- Phù hợp cho các ứng dụng riêng lẻ
- Dành cho giải pháp ngăn kéo thùng rác lắp trên
- Cũng là lựa chọn lý tưởng cho phụ kiện trang bị thêm
- Không có kết nối cố định giữa bộ đẩy và ngăn kéo
- Không cần điều chỉnh ngăn kéo
- Lắp đặt nhanh chóng và đơn giản với các linh kiện lắp ráp trước



Mã đặt hàng

Bộ SERVO-DRIVE uno					
	Chiều rộng tủ KB (mm)	Bộ chuyển mạng	Gói ngôn ngữ		
	450	E	A	DE, EN, FR, IT, NL	☎ Z10UT45EA
		K	I	EN	☎ Z10UT45KI
		U	G	EN, ES, FR	☎ Z10UT45UG
	500	E	A	DE, EN, FR, IT, NL	☎ Z10UT50EA
		B	I	EN	☎ Z10UT50BI
	600	E	A	DE, EN, FR, IT, NL	☎ Z10UT60EA
			B	DA, EN, FI, NO, SV	☎ Z10UT60EB
			E	CS, HU, PL, SK	☎ Z10UT60EE
		B	I	EN	☎ Z10UT60BI
		K	I	EN	☎ Z10UT60KI
		U	G	EN, ES, FR	☎ Z10UT60UG
	850	E	B	DA, EN, FI, NO, SV	☎ Z10UT85EB
	900		A	DE, EN, FR, IT, NL	☎ Z10UT90EA

Xem chương Thông tin trong catalogue Blum để biết chi tiết về danh sách nhà phân phối.

☎ Mật hàng chỉ có sẵn theo yêu cầu

Bộ gắn sẵn

Bao gồm:

	2 x	Nút đệm tạo khe hở Blum
	1 x	Thanh nhôm lắp ngang
	1 x	Bộ chuyển đổi cho bộ đẩy
	1 x	Bộ đẩy
	1 x	Khớp cố định thanh nhôm trái/phải
	1 x	Tính năng chống thấm nước cho các ứng dụng nằm ngang
	1 x	Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm
	6 x	Vít cho nút đệm tạo khe hở Blum
	1 x	Hướng dẫn lắp đặt
	1 x	Tờ thông tin hướng dẫn

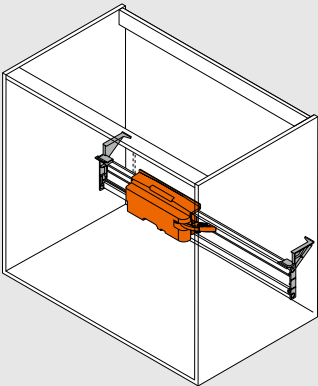
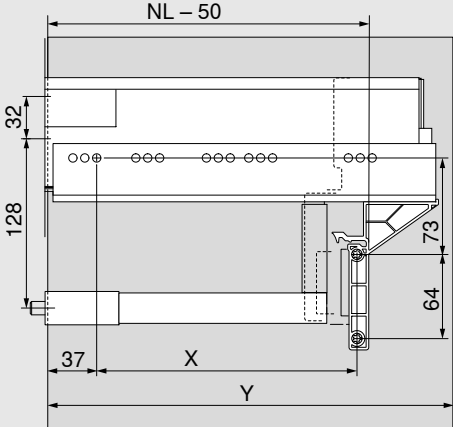
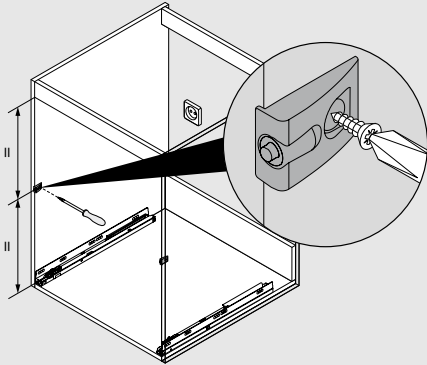
Giải pháp cho ngăn kéo thùng rác lắp trên với TANDEMBOX

	Bộ cho hậu ngăn kéo đặc biệt		
	Màu sắc	Chiều dài ray NL (mm)	
	R9006	500	
	KB (mm)	SWD 15/16 mm	SWD 18/19 mm
	450	Z30M389S0W	Z30M383S0W
	500	Z30M439S0W	Z30M433S0W
	550	Z30M489S0W	Z30M483S0W
	600	Z30M539S0W	Z30M533S0W
	800		Z30M733S0W
	900	Z30M839S0W	Z30M833S0W
Bao gồm:			
1x hậu ngăn kéo bằng thép chiều cao M			
1x hậu ngăn kéo bằng thép cho ngăn kéo đựng thùng rác			
1x gắn bên trái/phải			
1x thanh nâng cấp dài hình chữ nhật, trái/phải			
KB Chiều rộng tủ			
SWD Độ dày thùng tủ			

Màu sắc và chất liệu

Mã	
SW	Màu trắng sữa
R9006	Màu xám RAL 9006 (màu trắng nhôm)
TS	Màu đen đất
WS	Màu trắng
GR	Màu xám
NI	Mạ niken
TGR	Màu xám đậm
WGR	Màu trắng xám
SZ	Màu đen

Lập kế hoạch

Tủ	Vị trí – Khớp cố định thanh nhôm	Vị trí – nút đệm tạo khe hở Blum										
												
	<table><tr><th rowspan="3">Hệ thống ray hộp</th><th colspan="2">Chiều rộng tủ KB (mm)</th></tr><tr><th colspan="2">450–900</th></tr><tr><th>X (mm)</th><th>Y (mm)</th></tr><tr><th>TANDEMBOX</th><td>NL – 96</td><td>NL + 3</td></tr></table>	Hệ thống ray hộp	Chiều rộng tủ KB (mm)		450–900		X (mm)	Y (mm)	TANDEMBOX	NL – 96	NL + 3	<p>Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm</p> <p>Khi sử dụng ray trượt TANDEMBOX 65 kg, gắn bốn nút đệm tạo khe hở Blum</p>
Hệ thống ray hộp	Chiều rộng tủ KB (mm)											
	450–900											
	X (mm)	Y (mm)										
TANDEMBOX	NL – 96	NL + 3										
NL	Chiều dài ray											
X	Vị trí khoan											
Y	Yêu cầu về không gian tối thiểu											

Các dụng cụ hỗ trợ lắp đặt

Cỡ khoan mũi cho khớp cố định thanh nhôm SERVO-DRIVE



- Cỡ dùng để đánh dấu hoặc khoan trước vị trí khớp cố định thanh nhôm và bas cho bộ đẩy SERVO-DRIVE

Mã đặt hàng	
	ZML.1150.03

Cỡ khoan mũi dùng cho nút đệm tạo khe hở Blum



- Cỡ dùng để khoan nút đệm trên mặt ngăn kéo

Mã đặt hàng	
	ZML.1090



SERVO-DRIVE dùng cho hệ thống ray trượt và ray hộp/
SERVO-DRIVE uno

Lắp ráp, điều chỉnh và tháo rời
blum.com/sdr9



Để biết thêm thông tin về SERVO-DRIVE AVENTOS, truy cập:
blum.com/sdr10

Lưu ý

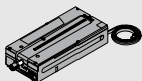


SERVO-DRIVE flex

Hệ thống hỗ trợ mở bằng điện dùng cho tủ lạnh âm không tay nắm

Tổng quan

Bộ đẩy



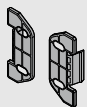
Bộ đẩy kích hoạt thanh đẩy để mở cửa. Sau khi cửa mở, thanh sẽ tự động thu vào. Trong trường hợp mở cửa ngoài ý muốn, bộ đẩy sẽ đóng cửa lại sau 2,5, 4 hoặc 8 giây.

Nắp đẩy thanh



Nắp đẩy thanh có tác dụng bịt kín khoảng hở giữa mặt trước và thanh. Khoảng hở này đảm bảo thanh có thể đẩy cửa ra và thu vào khi cần thiết.

Khớp nối mặt trước



Bộ phận khớp nối mặt trước kết nối mặt trước với đế, giúp lắp ráp và tháo rời dễ dàng.

Nút đệm tạo khe hở Blum



Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm.

Bas hít

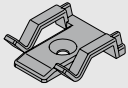


Bas hít có chức năng định vị thanh nam châm để đóng cửa thiết bị.

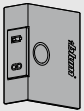
Nút bảo vệ đầu dây điện



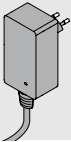
Nút bảo vệ đầu dây điện được lắp vào các đầu dây không sử dụng.

Bas nhựa giữ dây điện

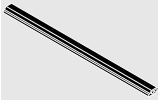
Bas nhựa giữ dây điện cho phép bạn định tuyến dây điện SERVO-DRIVE một cách an toàn và gọn gàng.

Công tắc SERVO-DRIVE

Công tắc SERVO-DRIVE kích hoạt tín hiệu mở cửa thiết bị và mở rộng phạm vi kích hoạt.

Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm

Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm cấp nguồn cho một bộ đẩy duy nhất (ứng dụng riêng lẻ).

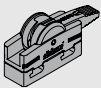
Dây điện SERVO-DRIVE

Dây điện cung cấp điện cho các bộ đẩy.
Điện áp hoạt động tối đa cho phép là 24V.

Lưu ý: Không được kết nối dây điện này trực tiếp với ổ cắm điện chính.

Vít dùng cho ván công nghiệp

Các vít gỗ này giữ chặt bộ đẩy, đế và bas hít.

Kẹp nối dây điện

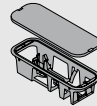
Kẹp nối này liên kết dây điện SERVO-DRIVE và thanh nhôm và bộ nguồn SERVO-DRIVE.

Dụng cụ hỗ trợ lắp đặt

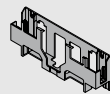
Dụng cụ hỗ trợ lắp đặt giúp bạn gắn đế đúng cách vào bên trong tủ.

Đế

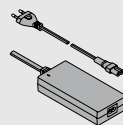
Đế được vận chuyển bên trong tủ và được sử dụng để gắn bộ đẩy và mặt trước.

Vỏ bộ nguồn**Lắp dây**

Vỏ bộ nguồn cho khớp nối để giúp cố định chắc chắn bộ nguồn SERVO-DRIVE trên đáy tủ.

Vỏ bộ nguồn**Lắp vào ván hậu/bas treo tường**

Bộ nguồn SERVO-DRIVE có thể được gắn vào tường hoặc ván hậu tủ bằng vỏ bộ nguồn cho tường/ván hậu.

Bộ nguồn SERVO-DRIVE

Bộ nguồn SERVO-DRIVE có thể sử dụng trên khắp thế giới. Giúp chuyển đổi nguồn điện của từng quốc gia thành điện áp một chiều 24V. Bạn phải sử dụng phích cắm phù hợp cho quốc gia tương ứng.
Bộ cấp nguồn SERVO-DRIVE được sử dụng để cung cấp điện cho nhiều bộ đẩy (trong toàn bộ nhà bếp).

Màu sắc/chất liệu

GE	Màu vàng	NI	Mạ niken
SZ	Màu đen	SW	Màu trắng sữa
WS	Màu trắng	K	Nhựa
TGR	Màu xám đậm	HGR	Màu xám nhạt
WGR	Màu trắng xám	R7037	Màu xám tro RAL 7037



SERVO-DRIVE flex

Lắp ráp, điều chỉnh và tháo rời
blum.com/sdr11

Chiều cao hộc (NH) < 1700 mm



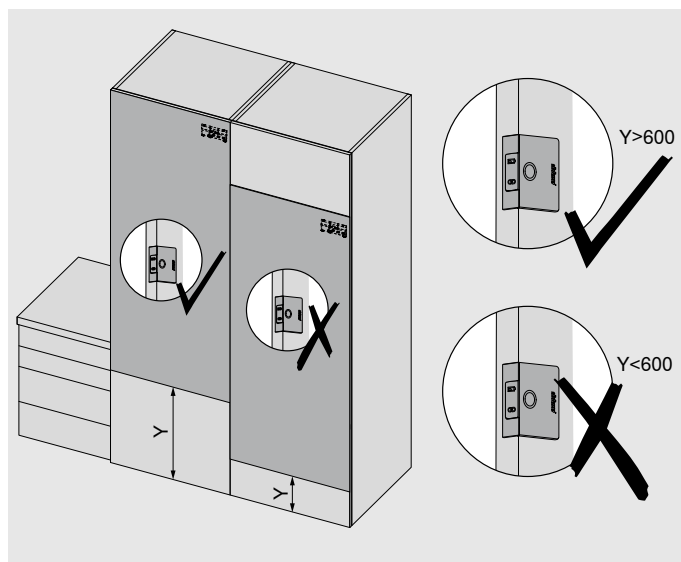
- Sử dụng cho tất cả tủ lạnh và tủ đông âm tường tiêu chuẩn
- Chiều cao hộc (NH) < 1700 mm
- Chiều cao hộc thấp (NH) dành cho bộ đẩy tối thiểu 60 mm
- Hệ thống thích ứng/tự động điều chỉnh lực đẩy để giữ cửa thiết bị đóng chặt
- Hệ thống tự động đóng khi mở ngoài ý muốn
- Tính năng chống dựa
- Kích hoạt an toàn
- Thời gian giữ mở có thể điều chỉnh (2,5 giây, 4 giây, 8 giây)
- Dễ dàng lắp ráp nhờ phản hồi về chiều sâu cài đặt chính xác thông qua đèn LED
- Không phù hợp với tủ lạnh không có tủ riêng, có chức năng tự mở, có chốt kích hoạt an toàn cho trẻ em, có hệ thống tự đóng tự động, thiết bị có tủ đông ở dưới (chiều cao hộc (NH) ≥ 1700 mm) và tủ lạnh với ngăn kéo

Mã đặt hàng

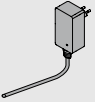
Bộ SERVO-DRIVE flex			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10C500A.01
Bao gồm:			
1x bộ đẩy			
2x đế			
2x khớp nối mặt trước			
1x nắp đẩy thanh			
1x bas hít			
2x nút đệm tạo khe hở Blum			
1x kẹp nối dây điện			
1x nút bảo vệ đầu dây điện			
11x vít dùng cho gỗ			
1x dụng cụ hỗ trợ lắp đặt			

Y > 600 mm

Công tắc SERVO-DRIVE			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SW/HGR/TGR	K	23P5020



Chiều cao học (NH) < 1700 mm

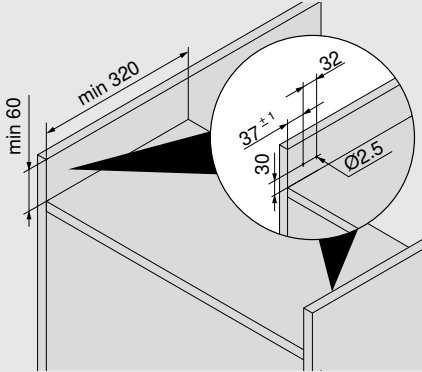
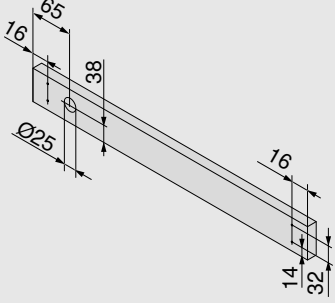
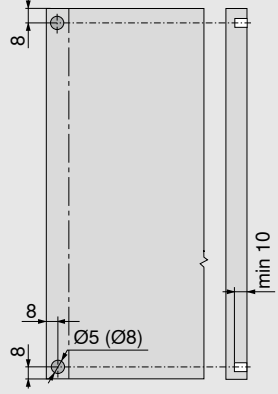
Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm					
Chỉ phù hợp cho một bộ đẩy					
					
Thị trường	Gói ngôn ngữ		Thị trường	Gói ngôn ngữ	
E	A	☎ Z10NA40EA	E	F	☎ Z10NA40EF
E	B	☎ Z10NA40EB	B	A	☎ Z10NA40BA
E	C	☎ Z10NA40EC	K	I	☎ Z10NA40KI
E	D	☎ Z10NA40ED	N	H	☎ Z10NA40NH
E	E	☎ Z10NA40EE	U	G	☎ Z10NA40UG
☎ Mặt hàng chỉ có sẵn theo yêu cầu					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm Bao gồm dây điện, 1120 mm (với dây điện SERVO-DRIVE có thể kéo dài tối đa 2000 mm) Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành				

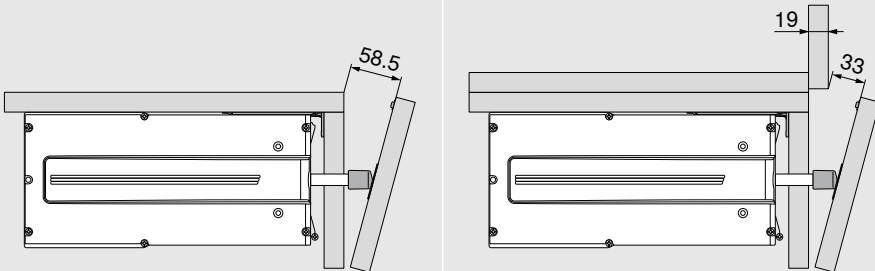
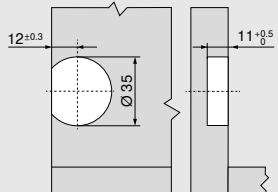
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã	Thị trường	Các gói ngôn ngữ*
E	Châu Âu	A DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B DA, EN, FI, NO, SV
K	AU	C EL, EN, HR, SL, SR, TR
N	CN	D EN, ES, FR, IT, PT
U	US CA JP	E CS, HU, PL, SK
		F BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
		G EN, ES, FR
		H EN, ZH, KO
		I EN

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Lập kế hoạch

Đế	Mặt trước – bộ đẩy	Nút đệm tạo khe hở Blum
		
		Cần có nút đệm tạo khe hở Blum cho cửa tủ lạnh và tủ đông
		Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Khoảng hở tiếp cận	Công tắc SERVO-DRIVE
	
	Vị trí trong khu vực mặt bàn bếp

Chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm



- Sử dụng cho tất cả tủ lạnh và tủ đông âm tường tiêu chuẩn
- Chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm
- Chiều cao học thấp (NH) dành cho bộ đẩy tối thiểu 60 mm
- Hệ thống thích ứng/tự động điều chỉnh lực đẩy để giữ cửa thiết bị đóng chặt
- Hệ thống tự động đóng khi mở ngoài ý muốn
- Tính năng chống dựa
- Kích hoạt an toàn
- Thời gian giữ mở có thể điều chỉnh (2,5 giây, 4 giây, 8 giây)
- Dễ dàng lắp ráp nhờ phản hồi về chiều sâu cài đặt chính xác thông qua đèn LED và dễ dàng đồng bộ hóa hai bộ đẩy
- Không phù hợp với tủ lạnh không có tủ riêng, có chức năng tự mở, có chốt kích hoạt an toàn cho trẻ em, có hệ thống tự đóng tự động, thiết bị có tủ đông ở dưới (chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm) và tủ lạnh với ngăn kéo

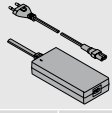
Mã đặt hàng

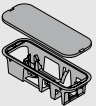
Bộ SERVO-DRIVE flex			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	2x Z10C500A.01
Bao gồm:			
1x bộ đẩy			
2x đế			
2x khớp nối mặt trước			
1x nắp đẩy thanh			
1x bas hít			
2x nút đệm tạo khe hở Blum			
1x kẹp nối dây điện			
1x nút bảo vệ đầu dây điện			
11x vít dùng cho gỗ			
1x dụng cụ hỗ trợ lắp đặt			

Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	3x Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x kẹp nối dây điện			
2x nút bảo vệ đầu dây điện			

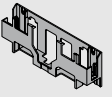
Dây điện SERVO-DRIVE			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	
Chiều dài 6000 mm			Z10K600A
Cắt theo kích thước			

Chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã			
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*	
E	Châu Âu	A	DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B	DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C	EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D	EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E	CS, HU, PL, SK
N	CN	F	BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
R	KR	G	EN, ES, FR
S	BR	H	EN, ZH, KO
T	TW	I	EN
U	US CA JP	J	JA
Z	ZA	K	EN, ES, PT

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Phụ kiện

-	Bas nhựa giữ dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009

Chiều cao hộc (NH) ≥ 1700 mm

Lập kế hoạch

Đế	Mặt trước – bộ đẩy	Nút đệm tạo khe hở Blum
		Cần có nút đệm tạo khe hở Blum cho cửa tủ lạnh và tủ đông
		Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Khoảng hở tiếp cận	

Yêu cầu về không gian và khoảng cách an toàn – vỏ bộ nguồn.		
		<p>Vui lòng lưu ý</p> <p>Duy trì khoảng cách an toàn 30 mm để không khí lưu thông. Nếu không, bộ nguồn SERVO-DRIVE có nguy cơ bị quá nhiệt.</p> <p>Các kích thước trong bản vẽ có tính đến khoảng cách an toàn.</p>
Lắp đáy	Lắp vào ván hậu/bas treo tường	



Lưu ý

Chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm

- Sử dụng cho tất cả tổ hợp tủ lạnh/tủ đông âm tường tiêu chuẩn
- Chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm
- Chiều cao học thấp (NH) dành cho bộ đẩy tối thiểu 60 mm
- Hệ thống thích ứng/tự động điều chỉnh lực đẩy để giữ cửa thiết bị đóng chặt
- Hệ thống tự động đóng khi mở ngoài ý muốn
- Tính năng chống dũa
- Kích hoạt an toàn
- Thời gian giữ mở có thể điều chỉnh (2,5 giây, 4 giây, 8 giây)
- Dễ dàng lắp ráp nhờ phản hồi về chiều sâu cài đặt chính xác thông qua đèn LED
- Không phù hợp với tủ lạnh không có tủ riêng, có chức năng tự mở, có chốt kích hoạt an toàn cho trẻ em, có hệ thống tự đóng tự động, tủ lạnh-tủ đông có thông gió, thiết bị có tủ đông ở dưới (chiều cao học (NH) ≥ 1700 mm) và tủ lạnh với ngăn kéo

Mã đặt hàng

Bộ SERVO-DRIVE flex			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	2x Z10C500A.01
Bao gồm:			
1x bộ đẩy			
2x đế			
2x khớp nối mặt trước			
1x nắp đẩy thanh			
1x bas hít			
2x nút đệm tạo khe hở Blum			
1x kẹp nối dây điện			
1x nút bảo vệ đầu dây điện			
11x vít dùng cho gỗ			
1x dụng cụ hỗ trợ lắp đặt			

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp đáy		
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10NG000
Bao gồm nắp			
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

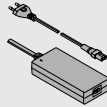
Thay thế

Vỏ bộ nguồn			
	Lắp vào ván hậu/bas treo tường		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WGR	K	Z10NG120
Dành cho bộ nguồn SERVO-DRIVE			

Kẹp nối và nút bảo vệ đầu dây điện			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	Z10V100E.01
Bao gồm:			
1x kẹp nối dây điện			
2x nút bảo vệ đầu dây điện			

Dây điện SERVO-DRIVE			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SZ	K	
	Chiều dài 6000 mm		Z10K600A
Cắt theo kích thước			

Công tắc SERVO-DRIVE			
	Màu sắc	Chất liệu	
	SW/HGR/TGR	K	23P5020

Bộ nguồn SERVO-DRIVE bao gồm dây điện và đầu cắm					
					
Thị trường	Các gói ngôn ngữ		Thị trường	Các gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NE04EA	I	A	Z10NE04IA
E	B	Z10NE04EB	K	I	Z10NE04KI
E	C	Z10NE04EC	N	H	Z10NE04NH
E	D	Z10NE04ED	R	H	Z10NE04RH
E	E	Z10NE04EE	S	K	Z10NE04SK
E	F	Z10NE04EF	T	H	Z10NE04TH
E	I	Z10NE04EI	U	G	Z10NE04UG
B	A	Z10NE04BA	U	J	Z10NE04UJ
B	I	Z10NE04BI	Z	I	Z10NE04ZI
H	I	Z10NE04HI			
Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn (đầu ra linh hoạt: chiều dài 2 m)				
1 x	Linh hoạt (1,5–1,8 m, bao gồm đầu cắm)				

Phụ kiện

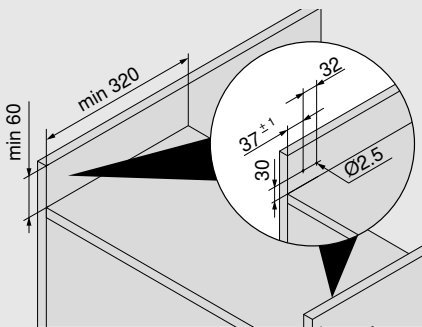
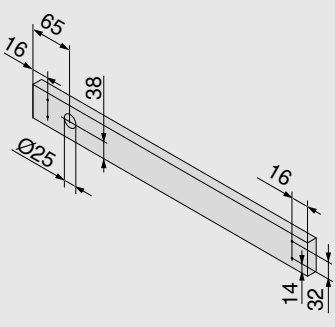
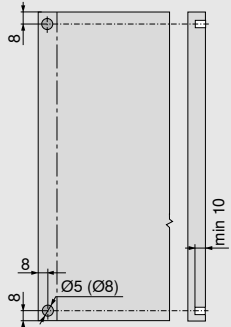
	Bas nhựa giữ dây điện		
	Màu sắc	Chất liệu	
	WS	K	Z10K0009

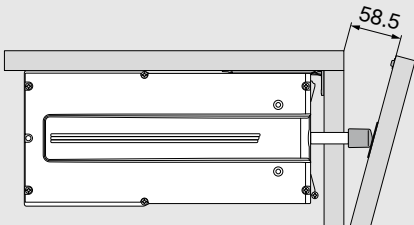
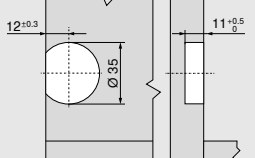
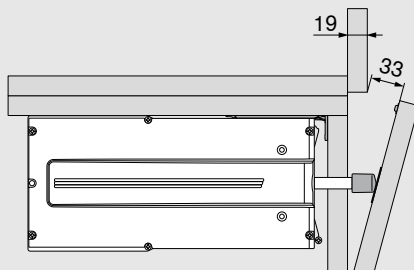
Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã			
Thị trường		Các gói ngôn ngữ*	
E	Châu Âu	A	DE, EN, FR, IT, NL
B	GB	B	DA, EN, FI, NO, SV
H	IN	C	EL, EN, HR, SR, SL, TR
I	IL	D	EN, ES, FR, IT, PT
K	AU	E	CS, HU, PL, SK
N	CN	F	BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
R	KR	G	EN, ES, FR
S	BR	H	EN, ZH, KO
T	TW	I	EN
U	US CA JP	J	JA
Z	ZA	K	EN, ES, PT

* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639

Lập kế hoạch

Đế	Mặt trước – bộ đẩy	Nút đệm tạo khe hở Blum
		
		Cần có nút đệm tạo khe hở Blum cho cửa tủ lạnh và tủ đông
		Nút đệm tạo khe hở Blum giúp duy trì khoảng cách kích hoạt cần thiết là 2 mm

Khoảng hở tiếp cận	Công tắc SERVO-DRIVE
	
	Vị trí trong khu vực mặt bàn bếp



- Dành cho tất cả máy rửa bát âm tiêu chuẩn
- Chiều cao học thấp (NH) dành cho bộ đẩy tối thiểu 60 mm
- Hệ thống thích ứng/tự động điều chỉnh lực đẩy để giữ cửa thiết bị đóng chặt
- Tính năng chống dũa
- Kích hoạt an toàn
- Thời gian giữ mở có thể điều chỉnh (2,5 giây, 4 giây, 8 giây)
- Dễ dàng lắp ráp nhờ phản hồi về chiều sâu cài đặt chính xác thông qua đèn LED
- Khả năng của ứng dụng phụ thuộc vào loại thiết bị, chiều cao của mặt bàn bếp và chiều cao lên chân tủ; xem Thông số kỹ thuật
- Không phù hợp với máy rửa bát không có tủ riêng, có chức năng tự mở, có chốt kích hoạt an toàn cho trẻ em hoặc có hệ thống tự đóng tự động

Mã đặt hàng

Bộ SERVO-DRIVE flex			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10C500A.01
Bao gồm:			
1x bộ đẩy			
2x đế			
2x khớp nối mặt trước			
1x nắp đẩy thanh			
1x bas hít			
2x nút đệm tạo khe hở Blum			
1x kẹp nối dây điện			
1x nút bảo vệ đầu dây điện			
11x vít dùng cho gỗ			
1x dụng cụ hỗ trợ lắp đặt			

Đế			
	Màu sắc	Chất liệu	
	TGR	K	Z10C5005

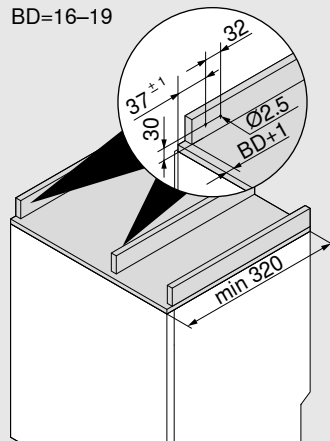
Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm					
Chỉ phù hợp cho một bộ đẩy					
Thị trường	Gói ngôn ngữ		Thị trường	Gói ngôn ngữ	
E	A	Z10NA40EA	E	F	Z10NA40EF
E	B	Z10NA40EB	B	A	Z10NA40BA
E	C	Z10NA40EC	K	I	Z10NA40KI
E	D	Z10NA40ED	N	H	Z10NA40NH
E	E	Z10NA40EE	U	G	Z10NA40UG
Mã hàng chỉ có sẵn theo yêu cầu					
Bao gồm:					
1 x	Bộ nguồn SERVO-DRIVE dạng cắm Bao gồm dây điện, 1120 mm (với dây điện SERVO-DRIVE có thể kéo dài tối đa 2000 mm) Bao gồm hướng dẫn lắp đặt và vận hành				

Thị trường và các gói ngôn ngữ

Mã		
Thị trường	Các gói ngôn ngữ*	
E Châu Âu	A	DE, EN, FR, IT, NL
B GB	B	DA, EN, FI, NO, SV
K AU	C	EL, EN, HR, SL, SR, TR
N CN	D	EN, ES, FR, IT, PT
U US CA JP	E	CS, HU, PL, SK
	F	BG, ET, LV, LT, RO, RU, GB
	G	EN, ES, FR
	H	EN, ZH, KO
	I	EN
* Mã ngôn ngữ theo tiêu chuẩn ISO 639		

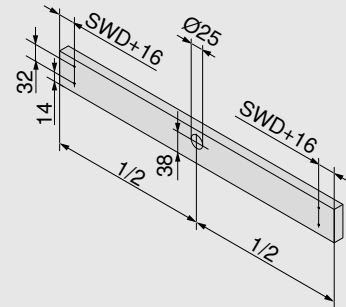
Lập kế hoạch

Đế



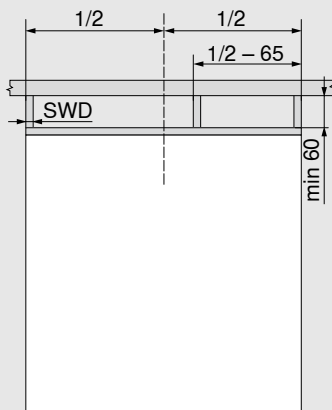
BD Độ dày mặt cánh
Tối đa 19 mm

Mặt trước – bộ đẩy



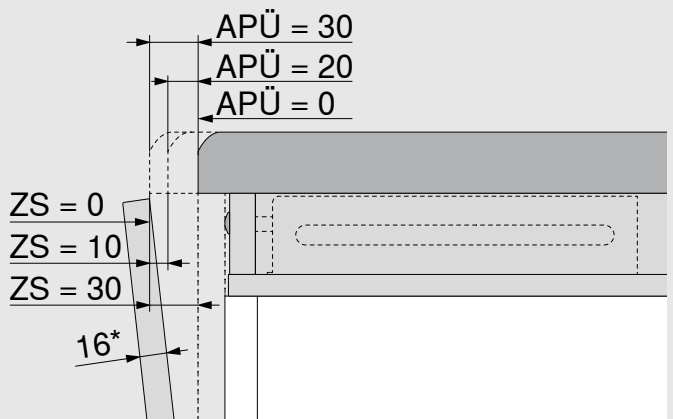
SWD Độ dày thùng tủ

Bộ đẩy



SWD Độ dày thùng tủ

Khoảng hở tiếp cận



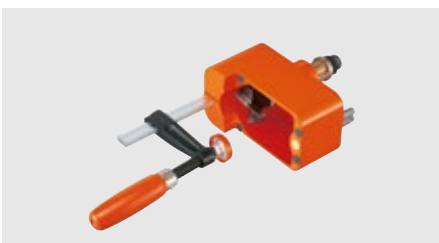
APÜ (mm)	ZS (mm)
0	30
20	10
30	0

APÜ Độ nhô của mặt bàn bếp

ZS Khoảng hở tiếp cận

* Khoảng hở tiếp cận ZS giảm với mặt cánh dày hơn

Cỡ khoan mối cho công tắc SERVO-DRIVE



- Dụng cụ cầm tay đơn giản để khoan lỗ chính xác cho công tắc SERVO-DRIVE
- Cần có khoan tay

Mã đặt hàng

M31.2000

Cỡ khoan mối dùng cho nút đệm tạo khe hở Blum, xem trang 64

A warm, modern kitchen scene. A man in a striped shirt is cooking at a large island counter. A young girl with blonde hair sits on a black stool, looking at him. The kitchen has light wood flooring, a large window, and various kitchen items on the counter. The text 'moving ideas' is overlaid in large white letters.

moving ideas

Bạn có ý tưởng, chúng tôi có giải pháp. Hãy kết hợp khả năng sáng tạo cả hai bên để biến ý tưởng tiềm năng thành kết quả vượt trội. Cảm hứng là động lực thúc đẩy chúng tôi, và chúng tôi dẫn đầu trong khả năng biến ý tưởng thành hiện thực với những sản phẩm đổi mới sáng tạo, chất lượng cao, được thiết kế để đáp ứng mọi nhu cầu. Chúng tôi cũng cung cấp dịch vụ toàn diện và các dụng cụ hỗ trợ lắp đặt, giúp cuộc sống trở nên thuận tiện hơn.

Tất cả những điều này giúp chúng tôi hiện thực hóa sứ mệnh mang đến chất lượng và sự tiện nghi cho tổ ấm của bạn. Hãy cùng nhau kiến tạo ý tưởng.



Chất lượng sống

Sứ mệnh của chúng tôi là mang đến vẻ đẹp và sự tiện lợi để nâng tầm chất lượng cuộc sống.



Dòng sản phẩm

Dòng sản phẩm đa dạng của chúng tôi có đầy đủ những gì bạn cần để biến ý tưởng thành hiện thực.



Nguồn cảm hứng

Chúng tôi không ngừng cập nhật xu hướng toàn cầu và đổi mới sáng tạo để tạo ra giải pháp cho tương lai.



Những cải tiến

Chúng tôi luôn tiến về phía trước và liên tục phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới dành cho bạn.



Các dịch vụ

Dịch vụ của chúng tôi được thiết kế riêng theo nhu cầu của bạn, với một mục tiêu duy nhất: giúp cuộc sống của bạn trở nên dễ dàng hơn.



Chất lượng

Chất lượng là ưu tiên hàng đầu, vì vậy chúng tôi luôn nỗ lực cải tiến sản phẩm và dịch vụ.



Uy tín

Blum chịu trách nhiệm với các đối tác và nhân viên của mình, với xã hội và môi trường.

Tất cả bắt đầu vào năm 1952 khi Julius Blum chế tạo đỉnh đóng móng ngựa. Ngày nay, chúng tôi phát triển và cung cấp các giải pháp phụ kiện nội thất chất lượng cao đến khách hàng tại hơn 120 quốc gia trên thế giới.

Công ty TNHH Blum Việt Nam
Tầng trệt, Tòa nhà Saigon Mansion
Số 3 đường Võ Văn Tần
Phường Võ Thị Sáu
Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
SĐT: 028 3822 3304
Email: support.bvn@blum.com

Tầng 1, Tòa nhà CT2
Tràng An Complex
Số 1 đường Phùng Chí Kiên
Phường Nghĩa Đô
Quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội
Việt Nam
SĐT: 024 3359 5999
Email: support.bvn@blum.com

Julius Blum GmbH
6973 Höchst, Áo
ĐT: +43 5578 705-0
Fax: +43 5578 705-44
E-mail: info@blum.com
www.blum.com

Các cơ sở tại Áo, Ba Lan và Trung Quốc của Blum đã được chứng nhận như sau.
Cơ sở tại Hoa Kỳ của chúng tôi đã được chứng nhận ISO 9001.
Cơ sở tại Brazil của Blum đã được chứng nhận ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001.



ISO 9001
Certified Quality
System



ISO 14001
Certified Environmental
System



ISO 50001
Certified Energy
System



Tất cả các nội dung thuộc bản quyền của Blum.
Có thể thay đổi các thông số kỹ thuật và các thay đổi về nhóm ngành hàng mà không cần báo trước.
IDNR: 119.995.8 · EP-660/1 VI-VN/06.25

Look for our
FSC™-certified
products